

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 14, Chúa Nhật 7.5.2006

CÁC SỐ BÁO ĐÃ PHÁT HÀNH

MỤC LỤC

KINH CẦU CHO LINH

MỤC

GSVN

Những đòi hỏi thiêng liêng đặc biệt trong đời Linh mục Vatican 2

THÁNH THỂ: CHÓP ĐÌNH CỦA ĐỜI SỐNG LINH MỤC
GSVN

Hai Hướng Nhìn
Bùi Tuần

+ Gm. GB.

LỜI SỰ SỐNG
Văn Thiên

+ Gm. Giuse Vũ

CHÚA NHẬT CHÚA CHIÊN NHÂN LÀNH
Phương

Lm. Anphong Trần Đức

NÓI VỚI CHÚNG TA: CÁC MỤC TỬ TRONG HỘI THÁNH CHÚA KITÔ
Hạnh

Lm. Vũ Xuân

ƠN GỌI PHỤC VỤ
Hữu An

Lm. Giuse Nguyễn

THÁNH GIUSE: Mẫu gương người công chính
Điệp

Tu sĩ JB. Bùi Ngọc

HỌ CŨNG LÀ MỘT CON NGƯỜI
Quảng

Lm. Lê Văn

Hiểu Biết Căn Bản về Dược Thảo
Đức

Bác sĩ Nguyễn Ý-

NHỮNG TẠI HẠI CỦA BỆNH TƯỞNG
Định

Phó tế: GB Huyền Đồng-Nguyễn văn

CHẾT
Vân Diễm

KINH CẦU CHO LINH MỤC

LTS.

Ngày 7.5.2006 là Chúa nhật Chúa Chiên Lành, ngày cầu nguyện cho ơn thiên triệu Linh mục và Tu sĩ. Với mục đích ấy, GSVN hân hạnh giới thiệu bản kinh dưới đây, hy vọng sẽ

được mọi người hưởng ứng và tiếp tay phổ biến rộng rãi.

Bản kinh này được một số linh mục cao niên và đạo đức soạn thảo, đồng thời cũng đã được Ban Biên Tập Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam cân nhắc trước khi gửi đến quý Cha và quý Vị.

KINH CẦU CHO LINH MỤC

Lạy Chúa Giêsu, Chúa là Đấng cứu chuộc và là Linh mục đời đời. Xưa trên đồi Golgotha, Chúa đã chết để thiết lập một giao ước mới, và cho toàn thể các tín hữu được tham dự vào chức Linh mục của Chúa, để mỗi người chúng con, bằng đời sống cầu nguyện và hy sinh, biết thi hành chức vụ tư tế; bằng đời sống bác ái và tông đồ, biết thi hành chức vụ tiên tri; bằng đời sống dấn thân và phục vụ, biết thi hành chức vụ vương đế theo tinh thần của Chúa.

Hơn nữa, tại phòng tiệc ly và dưới chân thánh giá, Chúa đã thiết lập chức Linh mục thừa tác, để tuyển chọn một số người tham gia cách đặc biệt vào chức vụ tư tế của Chúa. Chúa đã khắc ghi trên họ một dấu ấn không thể tẩy xóa được. Nhờ đó, họ có khả năng dâng lên Chúa Cha, hy lễ của Chúa cũng như của toàn dân: một hy lễ hoà giải, qua đó Chúa liên tục hiến dâng chính mình và toàn thể nhân loại cho Chúa Cha. Chúa đặt họ làm thừa tác viên của Bí Tích Thánh Thể và ơn tha thứ, được tham dự vào sứ mạng phúc âm hoá, và làm người tôi tớ của dân tộc mới mà Chúa đã cứu chuộc.

Hôm nay, chúng con cảm tạ Chúa và tha thiết cầu xin Chúa ban cho các Linh mục, ("đặc biệt cho Cha xứ chúng con"), được trọn đời yêu mến Chúa thiết tha, luôn phản ánh sự trong sạch, thánh thiện và yêu thương của Chúa. Chớ gì lòng trung thành với Hội Thánh của các ngài, nêu gương và củng cố niềm tin cho toàn thể dân Chúa. Xin cho các ngài biết tận tụy chăm sóc, hy sinh và khiêm tốn phục vụ đoàn chiên, như người mục tử tốt lành và khôn ngoan, hầu nước tình thương của Chúa được mở rộng nơi mọi tâm hồn.

Lạy Đức Trinh nữ Maria, Mẹ Chúa Giêsu Linh mục và là Mẹ chúng con. Xin Mẹ bầu cử cùng Chúa cho tất cả các Linh mục, ("và đặc biệt cho Cha xứ của chúng con"), được mãi mãi trung thành với Chúa và Hội Thánh, sống thánh thiện và nhiệt thành lo cho mọi người nhận biết, yêu mến và phụng sự Chúa muôn đời. Amen.

GSVN

VỀ MỤC LỤC

II. Những đòi hỏi thiêng liêng đặc biệt trong đời Linh mục

LTS :

Kính thưa Quý vị,

Bốn mươi năm sau Thánh Công Đồng Vatican II, Dân Chúa tại Việt Nam vẫn chỉ biết rất ít về những nội dung canh tân mà Giáo hội toàn cầu đã công bố rộng rãi. Trước sự thúc bách ấy và trong khả năng hạn hẹp của mình, GSVN sẽ cố gắng giới thiệu những bản văn quan trọng. Trước hết là sắc lệnh **PRESBYTERORUM ORDINIS**, về chức vụ và đời sống các Linh mục. (Bản dịch của GHHV Pio X, 1975).

Sắc Lệnh về Chức vụ & Đời sống các Linh mục

Chương III: Đời Sống Linh Mục

II. Những đòi hỏi thiêng liêng đặc biệt trong đời Linh mục

Trong những đức tính cần thiết hơn cả cho chức vụ Linh Mục, phải kể đến thái độ này, là bao giờ cũng sẵn sàng tìm ý muốn Đấng đã sai mình chứ không phải tìm ý riêng. Thực ra công việc của Thiên Chúa mà Chúa Thánh Thần tuyển chọn các ngài để hoàn thành, vượt quá mọi năng lực và tầm mức khôn ngoan nhân loại; vì "Thiên Chúa đã lựa chọn những gì yếu hèn trong thế

gian để bêu xấu những gì mạnh mẽ” (1Cor 1, 27). Vậy ý thức những sự yếu hèn của mình, thừa tác viên đích thực của Chúa Kitô khiêm tốn làm việc trong khi tìm xem điều gì đẹp lòng Thiên Chúa và như bị ràng buộc bởi Thánh Thần, trong mọi sự Ngài đều tuân theo ý của Đấng muốn cho mọi người được cứu rỗi. Ngài có thể khám phá và tuân theo ý muốn này trong những sự kiện hàng ngày bằng cách khiêm tốn phục vụ mọi người được Thiên Chúa ủy thác cho mình qua các nhiệm vụ riêng của mình cũng như qua những biên cố của đời sống.

Nhưng vì chức vụ Linh Mục là chức vụ của chính Giáo Hội, nên chức vụ đó chỉ có thể được chu toàn trong sự thông công phẩm trật của toàn thể. Vậy đức bác ái mục vụ thôi thúc các Linh Mục đang hoạt động trong mỗi thông hiệp này biết hy sinh ý riêng mình, qua việc vâng lời phục vụ Chúa và anh em, bằng cách lấy tinh thần đức tin mà lãnh nhận và tuân theo những gì được Đức Giáo Hoàng, Đức Giám Mục của mình, cũng như các Bề Trên khác truyền dạy và khuyên bảo, bằng cách hoàn toàn sẵn lòng tự hiến và tự hiến hết mức trong bất cứ chức vụ nào đã được trao phó cho mình dù là thấp kém và nghèo hèn. Thật vậy, nhờ cách đó, các ngài duy trì củng cố sự hiệp nhất cần thiết với các anh em ngài trong thừa tác vụ, và nhất là với những vị được Thiên Chúa đặt làm nhà lãnh đạo hữu hình của Giáo Hội; nhờ thế, các ngài cộng tác vào việc xây dựng Thân Thể Chúa Kitô, Thân Thể được lớn lên “bằng mọi mối khớp tương trợ”. Sự vâng phục này đưa con cái Thiên Chúa tới sự tự do trưởng thành hơn, trong khi vì bác ái thúc đẩy và để chu toàn chức vụ, các Linh Mục đã cẩn thận suy nghĩ những phương thế mới để mưu ích hơn cho Giáo Hội, thì tự bản tính sự vâng phục đòi buộc các ngài phải tin tưởng đưa ra những sáng kiến, phải tha thiết trình bày những nhu cầu của đoàn chiên được trao phó và luôn luôn sẵn sàng từng phục phán đoán của những vị thi hành các phận vụ chính yếu trong việc điều khiển Giáo Hội Chúa.

Nhờ tự ý khiêm nhượng và vâng phục trong tinh thần trách nhiệm mà các Linh Mục nên giống Chúa Kitô và có những cảm thức như Chúa Giêsu Kitô, Đấng “tự hủy mình khi nhận lấy thân phận tôi tớ... đã vâng lời cho đến chết” (Ph 2, 7 - 9). Nhờ sự vâng phục này Người đã chiến thắng và chuộc lại sự bất phục tùng của Adam, như Thánh Tông Đồ đã minh chứng: “vì một người không vâng phục mà muôn người hóa thành tội nhân, thì cũng thế, vì một Đấng phục tùng mà nhiều người được trở nên công chính” (Rm 5, 19).

Sự chế dục hoàn toàn và vĩnh viễn vì Nước Trời đã được Chúa Kitô khuyến khích mà qua các thời đại và ngay cả ngày nay vẫn được một số đông Kitô hữu sẵn lòng chấp nhận và tuân giữ một cách đáng khâm phục, thì hiện thời vẫn luôn được Giáo Hội hết sức quý trọng trong đời sống Linh Mục. Thực vậy nếu vì vừa là dấu chứng vừa là niềm khích lệ đức bác ái mục vụ và là nguồn mạch đặc biệt làm phát sinh đời sống thiêng liêng phong phú trên thế giới. Thực ra tự bản tính của chức Linh Mục không đòi buộc điều đó như đã thấy thực hành trong Giáo Hội sơ khai và trong truyền thống của Giáo Hội Đông Phương. Trong các Giáo Hội đó, ngoài những vị cùng với tất cả các Giám Mục, nhờ ơn thánh, đã chọn bậc độc thân, cũng còn có những Linh Mục rất xứng đáng đã lập gia đình; thực vậy, khi khuyến khích bậc độc thân Linh Mục, Thánh Công Đồng này không hề có ý định thay đổi tập quán khác biệt đang thịnh hành một cách chính đáng trong Giáo Hội Đông Phương, và thân ái khuyên nhủ tất cả những ai đã nhận lãnh chức Linh Mục và hiện đang sống đời đời bạn, hãy bền chí trong ơn gọi thánh và hoàn toàn quảng đại tiếp tục hy sinh đời sống mình cho đoàn chiên được trao phó.

Nhưng bậc độc thân có rất nhiều thuận tiện cho chức Linh Mục. Thật vậy, sứ mệnh toàn diện của Linh Mục là tận hiến để phục vụ một nhân loại mới, mà Chúa Kitô Đấng chiến thắng sự chết đã phục hồi trong thế gian nhờ Thánh Thần Người và là một nhân loại đã được sinh ra “không bởi khí huyết, không bởi ý muốn xác thịt, không bởi ý muốn của nam nhân, nhưng bởi Thiên Chúa” (Gio 1, 13). Nhờ đức trinh khiết hay là bậc độc thân vì Nước Trời các Linh Mục được thánh hiến cho Chúa Kitô với một lý do mới mẻ và tuyệt hảo được để dùng kết hợp hơn với Người bằng một trái tim không chia sẻ, tận hiến cách tự do hơn trong Người và nhờ Người để phục vụ Thiên Chúa và loài người, sẵn sàng hơn trong việc phục vụ Nước Chúa và việc tái sinh siêu nhiên; như thế các ngài có khả năng hơn để sinh nhiều con cái trong Đức Kitô. Chính nhờ đó, các ngài tuyên bố trước mặt mọi người rằng mình muốn tận hiến trọn vẹn cho công việc đã được trao phó, nghĩa là muốn đính ước các tín hữu với một người bạn độc nhất và hiến dâng họ cho Chúa Kitô như một trinh nữ thanh sạch; như thế các ngài nhắc lại cuộc hôn nhân mà nhiệm vụ đã được Thiên Chúa thiết lập và sẽ được tỏ lộ đầy đủ ở đời sau. Cuộc hôn nhân trong đó Giáo Hội chỉ có một vị Hôn Phu duy nhất là Chúa Kitô. Ngoài ra, các ngài còn trở nên dấu chỉ sống động về thế giới mai sau, mà ngày nay đã hiện diện qua đức tin và đức ái, trong đó các con cái

sự sống lại không còn dựng vợ gả chồng nữa.

Vì những động lực đặt nền tảng trên mầu nhiệm Chúa Kitô và sứ mệnh của Người nên việc sống độc thân trước tiên được khuyến khích cho các Linh Mục, rồi sau đã trở nên luật buộc trong Giáo Hội Latinh cho tất cả những ai muốn chịu Chức Thánh. Thánh Công Đồng này phê chuẩn và xác định luật này một lần nữa đối với những ai muốn chịu chức Linh Mục. Tín thác vào Chúa Thánh Thần, Công Đồng rằng Chúa Cha sẽ quảng đại ban ơn độc thân là ơn rất thích hợp với chức Linh Mục Tân Ước, miễn là những người tham dự chức Linh Mục của Chúa Kitô qua Bí Tích Thánh Chức cũng như toàn thể Giáo Hội phải khiêm tốn và khẩn khoản nài xin. Thánh Công Đồng này cũng khuyên mọi Linh Mục khi tin tưởng vào ơn Chúa đã tự do và tự ý chấp nhận bậc độc thân thánh thiện theo gương Chúa Kitô, hãy sống gắn bó với bậc đó bằng một tâm hồn quảng đại và với tất cả con tim của mình. Xin họ hãy kiên nhẫn trung thành trong bậc này và hãy nhìn nhận đó là ơn rất trọng đại mà Chúa Cha đã ban cho mình và Chúa Con đã công khai tán thưởng, cũng như hãy nhớ đến những mầu nhiệm cao cả được biểu lộ và thực hiện qua ơn độc thân. Chắc hẳn nếu càng có nhiều người trong thế giới ngày nay nghĩ rằng sự chế dục hoàn toàn không thể có được, thì các Linh Mục càng phải hiệp cùng Giáo Hội mà khiêm nhượng và kiên nhẫn hơn nữa để cầu xin ơn trung thành, vì Chúa không bao giờ từ chối những người kêu xin. Đồng thời các ngài lại phải luôn dùng mọi phương thế siêu nhiên và tự nhiên mà mọi người sẵn có, nhất là các ngài hãy tuân giữ những luật lệ khổ hạnh đã được kinh nghiệm của Giáo Hội chuẩn nhận và không kém cần thiết trong thế giới ngày nay. Vì vậy Thánh Công Đồng này không những yêu cầu các Linh Mục mà còn kêu gọi tất cả các tín hữu hãy quý trọng ơn độc thân Linh Mục cao quý này và hãy cầu xin cùng Chúa để chính Ngài luôn rộng tay ban phát dồi dào ơn này cho Giáo Hội Ngài.

Nhờ đời sống thân hữu và huynh đệ giữa các Linh Mục với nhau và với những người khác, các ngài có thể biết cách thẩm định và vun trồng những giá trị nhân bản và quý mến các tạo vật tốt lành như những ơn phúc của Thiên Chúa. Tuy sống giữa thế gian nhưng các ngài phải luôn biết rằng mình không thuộc về thế gian, như lời Chúa là Thầy chúng ta đã phán dạy. Vậy sử dụng trần gian như không sử dụng, các ngài được tự do, sự tự do giải thoát các ngài khỏi mọi lo lắng hỗn loạn và làm cho các ngài ngoan ngoãn nghe theo tiếng Chúa trong đời sống hằng ngày. Từ sự tự do và ngoan ngoãn đó sẽ nảy sinh khả năng biệnt biệt thiêng liêng để nhờ đó tìm ra thái độ đứng đắn đối với thế gian và của cải trần thế. Thực vậy, thái độ đó rất quan trọng đối với các Linh Mục vì sứ mệnh Giáo Hội được hoàn tất giữa trần gian và vì những của cải được tạo dựng lại rất cần thiết cho sự tiến bộ bản thân của con người. Vậy các ngài phải cảm tạ Chúa Cha trên trời, vì tất cả những gì Ngài rộng ban cho để được sống xứng đáng. Tuy vậy, các ngài phải phân biệt dưới ánh sáng đức tin tất cả những gì các ngài gặp thấy để một đảng biết sử dụng một cách thích đáng những của cải theo ý muốn của Thiên Chúa, đảng khác biết gạt bỏ những gì phương hại đến sứ mệnh của mình.

Thật vậy, vì nhận Chúa là “phần và là gia nghiệp” của mình (Ds 18, 20); nên các Linh Mục chỉ được sử dụng những của cải trần gian vào những mục đích mà giáo lý Chúa Kitô và quy luật của Giáo Hội ấn định.

Về những của cải của Giáo Hội nói riêng, các Linh Mục phải quản trị chúng theo bản chất chúng đúng như tiêu chuẩn của giáo luật với sự giúp đỡ của những giáo dân thông thạo khi có thể. Các ngài phải luôn luôn nhằm sử dụng chúng vào những mục đích mà Giáo Hội phải theo đuổi khi Giáo Hội làm chủ những của cải trần gian, nghĩa là nhằm vào việc thờ phượng Chúa, cung cấp một mức sống xứng đáng cho hàng giáo sĩ, cũng như thi hành những công cuộc tông đồ thánh thiện, hay những việc bác ái, nhất là đối với những người nghèo túng. Còn những của cải có được nhân dịp thi hành một vài nhiệm vụ nào đó của Giáo Hội, trừ khi có luật ấn định cách khác, các Linh Mục cũng như các Giám Mục trước hết phải dùng vào việc cấp dưỡng xứng đáng cho mình và việc chu toàn những phận sự của đảng bậc mình, phần còn lại, các ngài hãy dùng vào việc gây ích lợi cho Giáo Hội hoặc cho những công cuộc bác ái. Bởi thế, các ngài không được coi chức vụ của Giáo Hội như một mối lợi, cũng không được dùng những lợi tức để làm giàu cho gia đình mình. Bởi vậy các Linh Mục không bao giờ được để tâm hồn dính bén của cải nhưng phải luôn luôn tránh mọi tham lam và xa lánh mọi hình thức thương mại.

Hơn nữa, các ngài được mời gọi tình nguyện sống nghèo khó để nên giống Chúa Kitô một cách rõ ràng hơn và tận tụy hơn với chức vụ thánh. Thật vậy, dù giàu có, Chúa Kitô đã trở nên nghèo hèn vì chúng ta để nhờ sự nghèo khó của Người mà chúng ta trở nên giàu có. Cũng thế,

chính các Tông Đồ đã làm gương chứng minh rằng: đã lãnh nhận ơn cách nhưng không thì cũng phải ban phát cách nhưng không, và các ngài đã biết sống khi được sung túc cũng như khi phải túng thiếu. Việc sử dụng chung tài sản của nhau một phần nào, theo gương đóng góp tài sản làm của chung mà lịch sử Giáo Hội sơ khai đã ca ngợi, là một phương thể tuyệt hảo để đạt được tình bác ái mục vụ và giúp các Linh Mục thực hiện một cách đáng khen ngợi tinh thần nghèo khó đã được Chúa Kitô khuyến khích.

Vì thế, các Linh Mục cũng như Giám Mục, được Chúa Thánh Thần hướng dẫn, Ngài là Đấng đã xúc dầu cho Chúa Cứu Thế và sai đi giảng Phúc âm cho người nghèo khổ, phải tránh tất cả những gì bằng cách này hay cách khác có thể làm mình xa cách người nghèo khổ, và hơn các môn đệ khác của Chúa Kitô các ngài phải loại bỏ mọi thứ khoe khoang trong các đồ dùng của mình. Các ngài phải xếp đặt chỗ ở thế nào để không ai coi đó là nơi bất khả xâm phạm, và để không ai dù nghèo hèn đến đâu phải sợ hãi không bao giờ dám lui tới.

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

THÁNH THỂ: CHÓP ĐỈNH CỦA ĐỜI SỐNG LINH MỤC

Nhiều người đã có những cảm nhận khác biệt khi bước vào một nhà thờ Tin lành và khi bước vào một nhà thờ Công giáo. Thực vậy, khi bước vào một nhà thờ Tin lành, họ cảm thấy lạnh lẽo và trống trải. Còn khi bước vào một nhà thờ Công giáo, họ cảm thấy ấm áp và linh thiêng. Tại sao lại có sự khác biệt ấy ?

Tôi xin thưa : Vì trong nhà thờ Công giáo có Chúa Giêsu hiện diện trong bí tích Thánh Thể.

Nếu nhà thờ Công giáo được coi như là trung tâm mọi sinh hoạt của giáo xứ, thì phần cốt yếu của nhà thờ Công giáo chính là nhà tạm, nơi đó Chúa Giêsu luôn ở với chúng ta qua từng biến cố, qua từng cảnh huống của cuộc đời.

Vì thế, chúng ta cũng có thể gọi Thánh Thể chính là con tim của Giáo hội, cũng như của mọi người. Từ đó, chúng ta rút ra đề tài cùng nhau chia sẻ hôm nay : Thánh Thể, chóp đỉnh của chức vụ Linh mục.

I - THÁNH THỂ, CHÓP ĐỈNH CỦA ĐỜI SỐNG ĐỨC KITÔ

1- TỪ THẬP GIÁ

Như chúng ta đã biết : Mục đích chính yếu của Đức Kitô khi đến trong trần gian là để cứu chuộc chúng ta, giải thoát chúng ta khỏi vòng nô lệ tội lỗi. Mục đích ấy được thực hiện một cách trọn vẹn qua cái chết của Ngài trên Thập giá. Hay nói cách khác, Thập giá chính là đỉnh cao mà Ngài hằng nhắm đến trong suốt cả cuộc đời.

Thực vậy, Thánh Gioan đã viết :

“Đức Kitô xuống thế không phải là để làm theo ý riêng của mình, nhưng là để chu toàn thánh ý của Chúa Cha, Đấng đã sai phái Ngài.” (Ga 6,38).

Thánh Phaolô trong bức thư gửi tín hữu do Thái cũng xác quyết :

“Khi bước vào trần gian, Đức Kitô đã nói : Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Ngài...Chính theo ý đó của Thiên Chúa, mà chúng ta được thánh hóa nhờ Đức Giêsu Kitô đã hiến dâng thân mình làm lễ tế chỉ một lần là đủ.” (Đức tin 10,5-10).

Ngay từ giây phút đầu tiên khi nhập thế, Đức Kitô đã sống chết với ý định cứu độ của Thiên Chúa :

“Lương thực nuôi sống Thầy là thi hành ý muốn của Đấng đã sai Thầy, và hoàn tất tốt đẹp

công trình của Ngài. (Ga 4,34).

Lễ hy sinh của Đức Kitô “đền bù tội lỗi cả thế gian” chính là cách diễn tả sự thông hiệp tình yêu với Chúa Cha :

“Sở dĩ Chúa Cha yêu mến tôi, chính vì tôi hy sinh mạng sống mình” (Ga 10,17). “Thế gian phải biết rằng tôi yêu mến Chúa Cha và làm đúng như Chúa Cha truyền cho tôi.” (Ga 14,31).

Ước muốn sống và chết cho ý định cứu độ đầy yêu thương của Chúa Cha chính là động lực cho cả cuộc đời của Đức Kitô. Chính vì cái chết trên thập giá mà Ngài đã nhập thể :

“Lạy Cha, xin cứu con khỏi giờ này ! Nhưng chính vì giờ này mà con đã đến.” (Ga 12, 27). “Chén đắng Chúa Cha đã trao cho Thầy, lẽ nào Thầy chẳng uống ?” (Ga 18,11).

Và trên thập giá, trước khi mọi sự được hoàn tất, Ngài còn nói :

“Ta khát.” (Ga 19,28).

2- ĐẾN THÁNH THỂ

Thế nhưng, đỉnh cao Thập giá này đã được thực hiện trước một phần nào khi Ngài thiết lập bí tích Thánh Thể vào buổi chiều ngày thứ năm tuần thánh.

Thực vậy, có lần Ngài đã tỏ lộ ý muốn được ăn lễ Vượt qua với các môn đệ :

“Thầy những khát khao mong mỗi ăn lễ Vượt Qua này với anh em trước khi chịu khổ hình. Bởi vì, Thầy nói cho anh em hay, Thầy sẽ không bao giờ ăn lễ Vượt Qua này nữa, cho đến khi lễ này được nên trọn vẹn trong Nước Thiên Chúa.”(Lc 22,15-16).

Và khi thời gian đến và trong đêm bị nộp, Đức Kitô đã diễn tả tột độ việc từ hiến bản thân mình trong bữa tiệc ly với mười hai tông đồ.

Hôm trước ngày chịu nạn, khi còn hoàn toàn tự do, Đức Kitô đã biến bữa Tiệc Ly với các tông đồ thành lễ tưởng niệm việc Ngài tự nguyện hiến dâng cho Chúa Cha để cứu độ nhân loại :

“Anh em cầm lấy mà ăn, đây là mình Thầy...Anh em hãy uống chén này, vì đây là máu Thầy, máu Giao Ước, đổ ra cho muôn người được tha tội.” (Mt 26,26-28).

Bí tích Thánh Thể là lễ tưởng niệm hy tế thập giá sẽ được thực hiện một cách đầy đủ và trọn vẹn vào chiều hôm sau, ngày thứ sáu tuần thánh, trên đỉnh đồi Canvê.

Đồng thời, Ngài mời gọi các tông đồ tham dự vào lễ hiến dâng của Ngài và yêu cầu họ lưu truyền hy lễ này mãi mãi.

Như thế, Đức Kitô cũng đã đặt các tông đồ làm linh mục, làm tư tế của Giao Ước mới :

“Vi họ, con xin thánh hiến chính mình con, để trong chân lý, họ cũng được thánh hiến.” (Ga 17,19).

Nếu Đức Kitô đã hướng tới thập giá như chóp đỉnh của đời mình, thì Ngài cũng hướng tới Thánh Thể như vậy, bởi vì giữa thập giá và Thánh thể có một mối liên hệ mật thiết. Thánh Thể “hiện tại hóa” thập giá và lưu truyền hy lễ của Đức Kitô cho đến tận cùng thời gian.

II - THÁNH THỂ, CHÓP ĐỈNH CỦA ĐỜI SỐNG GIÁO HỘI

1- THÁNH THỂ ĐỐI VỚI GIÁO HỘI

Trong Tông thư “Mane nobiscum Domine”, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã xác quyết :

“Chúa Giêsu Kitô đứng ở trung tâm, không chỉ của lịch sử Giáo hội, nhưng còn của cả nhân loại. Trong Ngài, muôn loài được qui tụ lại.” (LCXOL 6).

Nếu Đức Kitô là trung tâm của lịch sử Giáo Hội, thì Thánh Thể Ngài cũng phải là điểm trọng tâm và chóp đỉnh của mọi sinh hoạt trong Giáo hội.

Thực vậy, chúng ta có thể nói được rằng Thánh Thể chính là nguồn mạch và đỉnh cao của mọi sinh hoạt trong Giáo hội vì Thánh Thể chứa đựng tất cả kho tàng thiêng liêng của Hội Thánh, là chính Đức Kitô, lễ Vượt Qua của chúng ta.

Đây cũng là điều Công Đồng đã xác quyết :

“Phép Thánh Thể chí thánh chứa đựng tất cả của cải thiêng liêng của Giáo hội, đó là chính Đức Kitô, Ngài là mẫu nhiệm Phục sinh của chúng ta; Ngài là Bánh Hằng Sống, ban sự sống cho nhân loại bằng chính Thịt của Ngài, Thịt đã được sống động nhờ Thánh Thần và làm cho người ta được sống...” (LM 5).

Sở dĩ chúng ta gọi Thánh Thể là chóp đỉnh của đời sống Giáo hội bởi những lý do sau đây :

1- Giáo hội được soi sáng nhờ Thánh Thể.

Thực vậy, mỗi lần Giáo hội cử hành bí tích Thánh Thể, thì tất cả chúng ta, những người tham dự, có thể một cách nào đó sống lại kinh nghiệm của hai môn đệ trên đường đi Emmaus :

“Khi đồng bàn với họ, Người cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, và bẻ ra trao cho họ. Mắt họ liền mở ra và họ nhận ra Người, nhưng Người lại biến mất. Họ mới bảo nhau: "Đọc đường, khi Người nói chuyện và giải thích Kinh Thánh cho chúng ta, lòng chúng ta đã chẳng bừng cháy lên sao?" (Lc 24,30-32).

Chính vì thế, Đức Thánh Cha đã xác quyết :

“Nhờ Ngài, Giáo Hội được soi sáng. Bí Tích Thánh Thể là một mẫu nhiệm đức tin, và đồng thời là một “mẫu nhiệm ánh sáng”.(GHTTT).

Nhờ việc đọc và suy gẫm Thánh Kinh trong phần Phụng vụ Lời Chúa mà chúng ta sẽ tìm ra đường nẻo Chúa muốn chúng ta bước đi trong cuộc đời.

2- Giáo hội được nuôi dưỡng và được sống nhờ Thánh Thể.

Thánh Thể là của ăn thiêng liêng nuôi sống linh hồn chúng ta như lời Chúa Giêsu đã phán :

“Vì thịt tôi thật là của ăn, và máu tôi thật là của uống. Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì ở lại trong tôi, và tôi ở lại trong người ấy.” (Ga 6,55-56).

Chính vì thế, chúng ta cũng có thể nói : Giáo hội được nuôi dưỡng và được sống nhờ Thánh Thể. Đức Thánh Cha đã xác quyết :

“Giáo Hội sống nhờ Chúa Kitô Thánh Thể; nhờ Ngài, Giáo Hội được nuôi dưỡng.” (GHTTT 6).

“Giáo Hội liên tục sống nhờ hy tế cứu độ, và đạt đến hy tế đó không phải bằng một kỷ niệm đơn thuần đầy niềm tin mà thôi, nhưng còn bằng một tiếp xúc hiện tại, vì hy tế này trở nên hiện diện, hiện diện luôn mãi cách bí tích, trong mọi cộng đoàn hiến dâng nó, qua tay của thừa tác viên được thánh hiến.”(GHTTT 12).

3- Thánh Thể làm nên Giáo hội và Giáo hội làm nên Thánh Thể.

Thực vậy, dưới một góc độ nào đó, chúng ta có thể nói Thánh Thể đã làm phát sinh ra Giáo hội, như sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo đã khẳng định :

“Hội Thánh phát sinh chủ yếu từ việc Đức Kitô tự hiến thân hoàn toàn để cứu độ chúng ta; sự hiến thân được thể hiện trước trong việc thiết lập bí tích Thánh Thể và được thực hiện trên Thập giá.” (GLHTCG 766).

Hơn thế nữa, mỗi khi lên rước lễ, chúng ta được liên kết mật thiết với Đức Kitô, cũng như được kết hiệp mật thiết với nhau để làm thành một thân thể duy nhất là Giáo hội. Vì thế, chúng ta có thể xác quyết :

“Bí tích Thánh Thể làm nên Giáo hội.” (GLHTCG 1396).

Cũng trong chiều hướng ấy, Công Đồng Vaticanô II đã viết như sau :

“Nhờ bí tích của tấm bánh Thánh Thể, sự hiệp nhất các tín hữu làm thành một thân thể duy nhất trong Đức Kitô được tỏ bày và trở nên hiệu lực” (GH 3)

Thực vậy, nhờ bí tích Rửa tội, chúng ta được mời gọi để tạo nên một thân thể duy nhất. Trong khi đó, bí tích Thánh Thể sẽ thực hiện ơn gọi này :

“Khi ta nâng chén chúc tụng mà cảm tạ Thiên Chúa, há chẳng phải là dự phần vào Máu Đức Kitô ư? Và khi ta cùng bẻ Bánh Thánh, đó chẳng phải là dự phần vào Thân Thể Người sao? Bởi vì chỉ có một tấm Bánh, và tất cả chúng ta chia sẻ cùng một Bánh ấy, nên tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một thân thể.” (1Cr 10,16-17).

Đồng thời, nhờ việc thực thi lệnh truyền của Chúa : “Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy”, Giáo hội làm nên Thánh Thể, nghĩa là Giáo hội hiện tại hóa hy tế thập giá của Đức Kitô và làm cho bí tích Thánh Thể được tồn tại mãi cho đến tận cùng thời gian, nhờ đó lời loan báo của tiên tri Malakia ngày xưa trở thành sự thật :

“Quả thật, từ đông sang tây, Danh Ta thật cao cả giữa chư dân; và ở khắp nơi, người ta dâng lễ hy sinh và lễ vật tinh tuyền kính Danh Ta, bởi vì Danh Ta thật cao cả giữa chư dân.” (Ml 1,1).

2- GIÁO HỘI ĐỐI VỚI THÁNH THỂ

Thánh Thể làm nên Giáo hội, hay nói cách khác, sở dĩ Giáo hội được sống và được xây dựng là nhờ Thánh Thể :

“Giáo Hội sống nhờ Thánh Thể (Ecclesia de Eucharistia vivit). Chân lý này không chỉ diễn tả một kinh nghiệm hằng ngày của đức tin, nhưng dưới hình thức tổng hợp nó còn gồm tóm cả cốt lõi của mầu nhiệm Giáo Hội. Trong hân hoan, Giáo Hội cảm nghiệm dưới nhiều hình thức sự thể hiện liên tục lời hứa: “Và Thầy, Thầy sẽ ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế.” (Mt 28,20). Nhưng trong Bí Tích Thánh Thể, nhờ sự biến đổi bánh và rượu thành Mình và Máu Chúa, Giáo Hội được vui hưởng sự hiện diện này với một cường độ duy nhất. Từ ngày Lễ Ngũ Tuần, khi Giáo Hội, Dân của Giao Ước Mới, khởi đầu cuộc lữ hành về quê hương thiên quốc, Bí Tích thần linh vẫn tiếp tục in dấu trên những ngày sống của Giáo Hội, lấp đầy chúng với niềm hy vọng tín thác.

Ý thức vai trò quan trọng của Thánh Thể trong đời sống của mình, Giáo hội cần phải kín múc nơi Thánh Thể nguồn sức mạnh cần thiết và phải qui hướng mọi hoạt động của mình về đó như chóp đỉnh.

Thực vậy, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô đã viết :

“Mọi dẫn thân vào sự thánh thiện, mọi hoạt động nhằm hoàn thành sứ mạng của Giáo Hội, mọi nỗ lực thực hiện các chương trình mục vụ, phải múc lấy nơi mầu nhiệm Thánh Thể, sức mạnh cần thiết và phải hướng về đó như chóp đỉnh. Trong Bí Tích Thánh Thể, chúng ta có Chúa Giêsu, chúng ta có hy tế cứu chuộc của Ngài, chúng ta có sự phục sinh của Ngài, chúng ta có hồng ân Thánh Thần, chúng ta có việc tôn thờ, sự vâng phục và tình yêu đối với Chúa Cha trên trời. Nếu chúng ta coi thường Bí Tích Thánh Thể, làm sao có thể chữa trị sự nghèo nàn khốn khổ của chúng ta ?” (GHTTT 60).

Ngoài ra, Giáo hội còn có bổn phận phải cử hành thánh thể, để không ngừng hiện tại hóa mầu nhiệm Vượt qua, bởi vì mỗi khi cử hành thánh thể, Giáo hội loan truyền việc Chúa chịu chết và tuyên xưng việc Chúa sống lại cho tới khi Chúa lại đến. (GHTTT 5).

Đối với người Kitô hữu cũng vậy, Thánh Thể vừa là nguồn mạch và chóp đỉnh của đời sống, bởi vì Thánh Thể chứa đựng tất cả kho tàng thiêng liêng của Giáo hội là chính Đức Kitô, Chiên Vượt Qua và bánh ban sự sống. (GHTTT 1).

Khi tham dự thánh lễ, người Kitô hữu dâng lên Thiên Chúa hy tế của Đức Kitô, và cùng với lễ

vật ấy, họ tự dâng chính mình họ cùng với những lao công vất vả, những khổ đau buồn phiền, như lễ vật xuất phát từ lòng cuộc đời. (GH 11).

Khi rước lễ, chúng ta không phải chỉ được lãnh nhận ơn nọ ơn kia, mà còn được lãnh nhận và kết hiệp với chính Đức Kitô, tác giả của mọi ơn sủng. Ngài đến, sát cánh bên chúng ta và cùng với chúng ta chiến đấu, như vậy chắc chắn chúng ta sẽ chiến thắng.

Như phần xác cần phải ăn mới được sống, thì phần hồn cũng vậy, chúng ta phải siêng năng lãnh nhận Thánh Thể để kín múc được một nguồn sức sống dồi dào, nhờ đó sẽ dễ dàng chu toàn những bổn phận trong phạm vi trần thế, góp phần xây dựng một thế giới xứng đáng với phẩm giá con người và phù hợp với chương trình của Thiên Chúa :

“ Một hệ luận khác rất có ý nghĩa của chiều hướng cánh chung trong Bí Tích Thánh Thể là sự thúc đẩy bước chân lữ hành của chúng ta trong lịch sử, làm nảy sinh một niềm hy vọng sống động cho mọi người hằng ngày tận tụy với nhiệm vụ của mình. Quả thật, nếu nhãn quan Kitô giáo mời gọi chúng ta nhìn về “trời mới”, “đất mới”(x. Kh 21,1), điều đó không làm suy yếu, mà kích thích tâm thức của chúng ta về trách nhiệm đối với trái đất của chúng ta (33). Tôi muốn khẳng định lại điều này một cách mạnh mẽ vào lúc khởi đầu thiên niên kỷ thứ ba, để các Kitô hữu hơn lúc nào hết, cảm thấy càng phải dấn thân chu toàn những bổn phận công dân trần thế của mình. Họ có nghĩa vụ phải đóng góp, dưới ánh sáng của Tin Mừng, vào việc xây dựng một thế giới xứng với con người và đáp ứng đầy đủ chương trình của Thiên Chúa.” (GH TTT 20).

Và sau cùng, khi rước lễ chúng ta được kết hiệp mật thiết với nhau, nhờ đó góp phần xây dựng Giáo hội, như Công Đồng đã viết :

“Được bổ dưỡng bởi Mình Thánh Đức Kitô trong thánh lễ, họ biểu lộ cách cụ thể sự hiệp nhất của Dân Chúa, sự hiệp nhất ấy được diễn tả đầy đủ và được thực hiện cách kỳ diệu trong bí tích cực trọng này.” (GIÁO HỘI 11).

III- THÁNH THỂ, CHÓP ĐỈNH CỦA ĐỜI SỐNG LINH MỤC

1- THÁNH THỂ ĐỐI VỚI LINH MỤC.

Trái đất xoay quanh mặt trời thế nào, thì cuộc đời của Linh mục cũng phải xoay quanh Đức Kitô, hay nói một cách cụ thể hơn, cuộc đời Linh mục cũng phải xoay quanh Thánh Thể như vậy.

Cũng trong chiều hướng ấy, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã xác quyết :

“Nếu Thánh Thể là trung tâm và chóp đỉnh của đời sống Giáo Hội, nó cũng là như thế đối với tác vụ linh mục. Vì vậy, khi tạ ơn Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, tôi muốn lặp lại rằng Thánh Thể là lễ sống chính yếu và trung tâm của bí tích truyền chức được khai sinh thực sự ngay từ lúc thiết lập Thánh Thể và cùng với Thánh Thể.”(GH TTT 31).

Tất cả mọi hoạt động của Linh mục phải được xuất phát từ Thánh Thể và phải được hướng tới Thánh Thể :

“Những hoạt động mục vụ của linh mục rất đa dạng. Nếu nghĩ đến những điều kiện xã hội và văn hóa của thế giới hôm nay, thì dễ hiểu rằng các linh mục bị rình rập bởi nguy cơ phân tán trong nhiều công việc khác nhau. Công Đồng Vaticanô II đã nhận thấy rằng bác ái mục vụ là mối dây liên kết đời sống và hoạt động của các ngài. Công Đồng thêm: “ Bác ái mục vụ phát xuất trước tiên từ nơi Hy Tế Thánh Thể, do đó Hy Tế Thánh Thể là trung tâm và gốc rễ của toàn thể đời sống linh mục.”(GH TTT 31).

Các Đức Giám mục Việt Nam cũng xác quyết :

“Chức Linh mục thừa tác xuất phát từ Thánh Thể và hướng về Thánh Thể...Việc tôn sùng bí tích Thánh thể là nguồn mạch phong phú cho cuộc đời và sứ vụ linh mục.” (GHSMNTT 11).

Và như vậy, Thánh Thể sẽ đem lại nguồn sức mạnh cũng như niềm an ủi và khích lệ cho linh mục trong những hoạt động của mình :

“Bằng cách thế này, Linh mục mới đủ sức thắng vượt tất cả những căng thẳng làm cho ngài

bị phân tán trong cuộc sống; mới tìm thấy trong Hy Tế Thánh Thể, trung tâm đích thực của đời sống và tác vụ, sinh lực thiêng liêng cần thiết để đương đầu với những công việc mục vụ đa dạng. Như thế, những ngày sống của ngài sẽ thực sự trở nên Thánh Thể. “ (GHTTT 31).

2- LINH MỤC ĐỐI VỚI THÁNH THỂ

Chúng ta có thể tóm tắt một số việc linh mục cần phải làm đối với Thánh Thể :

1- Dâng Thánh Lễ hằng ngày.

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã lấy lại tư tưởng của Công đồng mà khuyên các Linh mục như sau :

“Vì thế, người ta hiểu được tầm quan trọng cho đời sống thiêng liêng của Linh mục, cũng như cho lợi ích của Giáo Hội và thế giới, của việc thực thi lời khuyên của Công Đồng là cử hành Bí Tích Thánh Thể hằng ngày, “dù việc cử hành không thể có giáo dân hiện diện, vẫn là hành động của Chúa Kitô và Giáo Hội.” (GHTTT 31).

Như vậy, chúng ta thấy các Linh mục được khuyến khích cử hành thánh lễ mỗi ngày, dù có hay không có giáo dân tham dự. Và đặc biệt là ngày Chúa nhật, các Linh mục phải tạo những điều kiện thuận lợi để giáo dân có thể tham dự một cách dễ dàng :

“Sự cổ vũ đặc biệt hữu hiệu cho hiệp thông, đặc điểm của Bí Tích Thánh Thể, là một trong những lý do của tầm quan trọng Thánh Lễ Chúa Nhật. Về phương diện này và về những lý do đã khiến cho nó trở nên cần thiết cho đời sống của Giáo Hội và của các tín hữu, tôi đã bàn rất nhiều trong Tông Thư Ngày của Chúa (Dies Domini) về sự thánh hoá Ngày Chúa Nhật. Tôi đã nhắc lại rằng đối với các tín hữu, tham dự Thánh Lễ là một nghĩa vụ buộc, trừ khi họ có một ngăn trở nghiêm trọng nào, và cũng vậy, về phần mình các Mục Tử có bổn phận tương ứng tạo điều kiện thiết thực cho mọi người để họ thực thi huấn giới. Gần đây nhất, trong Tông Thư Bước vào ngàn năm mới (Novo millennio ineunte), nhằm vạch ra đường hướng mục vụ cho Giáo Hội vào đầu thiên niên kỷ thứ ba, tôi muốn làm nổi bật đặc biệt Thánh Lễ Chúa Nhật, nhấn mạnh vì sao Thánh Lễ Chúa nhật rất hữu hiệu cho sự hiệp thông : Tôi đã viết “ Bí Tích Thánh Thể là nơi đặc biệt để sự hiệp thông luôn được loan báo và được gìn giữ. Đúng thế, nhờ tham dự vào Bí Tích Thánh Thể, ngày của Chúa cũng trở thành ngày của Giáo Hội, như thế Giáo Hội có thể thực hiện một cách có hiệu quả vai trò của bí tích hiệp nhất.”(GHTTT 41).

2- Dâng Thánh lễ một cách sốt sắng.

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã nhấn nhủ các Linh mục như sau :

“Hằng ngày các con lặp lại lời thánh hiến, làm chứng nhân và người loan báo phép lạ tình yêu vĩ đại xảy ra ngay trên bàn tay các con, hãy luôn tự vấn, nhờ hồng ân Năm đặc biệt này, để cử hành Thánh lễ mỗi ngày với niềm hân hoan và sốt sắng như cử hành Thánh lễ đầu tiên...” (LCXOLVCC 30).

Đặc biệt là Thánh lễ Chúa nhật :

“Nếu thành quả đạt được là làm cho việc cử hành Thánh lễ Chúa nhật được sốt sắng trong mọi cộng đoàn Kitô hữu, cũng như phát triển lòng tôn sùng Thánh Thể ngoài Thánh lễ, thì kết quả đó cũng đã thật mỹ mãn trong Năm hồng ân vậy.” (LCXOLVCC 29).

Muốn tạo được sự sốt sắng khi dâng Thánh lễ, linh mục cần phải chiêm ngắm và cầu nguyện :

“Các con hãy sẵn lòng dành nhiều thời giờ cầu nguyện trước nhà tạm.” (LCXOLVCC 30).

Trong Tông thư “Mane nobiscum Domine”, Đức Thánh Cha cũng viết :

“Năm Thánh Thể bắt nguồn từ sự chiêm ngưỡng thực tại mà Giáo hội kính tôn như một mầu nhiệm trọng đại...” (LCXOLVCC 29).

3- Phải làm chứng và loan báo tình yêu Thánh Thể.

Như trên chúng ta vừa thấy Đức Thánh Cha đã khuyên nhủ :

“Hằng ngày các con lặp lại lời thánh hiến, làm chứng nhân và người loan báo phép lạ tình yêu vĩ đại xảy ra ngay trên bàn tay các con.” (LCXOLVCC 30).

Các Đức Giám mục Việt Nam cũng mời gọi :

“Là những người quản lý các màu nhiệm thánh, các linh mục phải nên chứng tá đặc biệt về đức tin, lòng sùng kính và yêu mến đối với Màu nhiệm cực trọng này. Điều đó phải biểu lộ rõ nét khi các ngài cử hành Thánh lễ, cầu nguyện trước Thánh Thể và đem Mình Thánh Chúa cho bệnh nhân. Việc tôn sùng Bí tích Thánh Thể là nguồn mạch phong phú cho cuộc đời và sứ vụ linh mục.” (GHSMNTT 11).

KẾT LUẬN

Để kết thúc bài chia sẻ này, tôi xin mượn lời của Đức Thánh Cha Giaon Phaolô II để ca ngợi Thánh Thể :

“Đây là kho tàng của Giáo Hội, quả tim của thế giới, bảo chứng của ngày cuối cùng mà mọi người đều mong mỏi, dù không ý thức. Vĩ đại thay màu nhiệm này. Chắc chắn nó vượt xa chúng ta và nó thử thách cam go những khả năng của trí óc chúng ta đòi buộc phải đi xa hơn những đáng vẻ bên ngoài.” (GHSTTT 60).

Đây chính là cơ hội thuận tiện để chúng ta kiểm điểm lại xem : chúng ta đã có thái độ nào đối với Thánh Thể ? Và nhất là chúng ta đã cử hành Thánh lễ ra làm sao ? Trang nghiêm và sốt sắng hay chỉ bồi bác và máy móc ?

GSVN

VỀ MỤC LỤC

Hai Hướng Nhìn

Chúng ta vừa bước qua ranh giới năm cũ, và đang ở đầu ranh giới năm mới. Năm cũ là một chặng đường dài. Năm mới cũng là một chặng đường dài. Đứng ở giáp ranh hai chặng đường dài, thì ta có hai hướng nhìn: Một cái nhìn lại, một cái nhìn đi, thì cái nhìn nào của ta cũng là cái nhìn về những sự đụng chạm tới ta.

Những cái nhìn đụng chạm vào đời ta trong năm cũ chắc là nhiều. Những cái sẽ đụng vào đời ta trong năm mới, chắc không phải là ít. Những cái đụng đó làm ta vui, buồn, lo, sung sướng, nhiều ít thì mỗi người cứ nghe lòng mình sẽ thấy. Mà chỉ mình biết rõ lòng mình, chứ chưa chắc gì người khác sẽ biết được đúng lòng ta. Cũng như chưa chắc gì ta sẽ biết được lòng người khác.

Vì thế, ở đây tôi không muốn nói tới màu sắc, tâm trạng của con người trong ngày xuân mới hôm nay, mà chỉ đưa ra một vài suy tư nhỏ bé, với hy vọng được anh em chia sẻ.

Suy tư của tôi là hai câu hỏi sau đây:

1. Khi nhìn lại, tôi nghe gọi sao?

2. Khi nhìn đi, tôi nghe gọi gì?

Tiếng gọi của quá khứ, tiếng gọi của tương lai. Hai tiếng gọi đó thế nào.

Anh chị em thân mến,

1. Khi nhìn lại tôi nghe gọi sao?

Thưa tôi nghe gọi: Hãy biết ơn. Hãy biết ơn những gì ta đã lãnh nhận. Nếu suy nghĩ kỹ, ta sẽ thấy trong năm qua, sự ta cho đi chẳng được là bao. Nhưng sự ta nhận lãnh thì thực là nhiều. Mà nhận nhiều, là vì ta luôn là kẻ thiếu thốn, phải cần đến người khác. Cần để sống, cần để nên người. Từ một lời chào đến một lời khuyên răn an ủi. Tất cả, và bất cứ sự gì ta lãnh nhận, đều là những viên gạch xây dựng đời ta.

Đừng chỉ coi những gì sung sướng hay lớn lao mới là ơn.

Dù đời ta có như chiếc xe đò, ồn ào đông đảo, chen nhau chiếm cứ, nhưng sau cùng xe lại trống trơn, thì ta cũng đừng cho mình là cô đơn, chẳng được nhờ ai. Vì thực sự, ta cũng đã nhận nhiều, và chính sự cô đơn cũng là một ân huệ.

Dù đời ta có như cành mai, báo hiệu ngày xuân, nhưng chính mình lại không có mùa xuân, vì mau tàn và vội héo, thì cũng đừng cho mình là phù hoa, chẳng chịu ơn ai. Vì thực sự, ta cũng đã nhận nhiều, và chính sự phù hoa cũng là một ân huệ.

Dù đời ta có như Saolê, ngã ngựa trên đường Đamas, thì cũng đừng coi mình là vô phước. Vì thực sự ta đã nhận nhiều, và chính sự ta ngã đau cũng là một ân huệ.

Dù đời ta có như một quảng của giòng sông cả, nuôi dưỡng bao nhiêu đồng ruộng cây cỏ, có sức tràn ngập đất đai bao la, thì cũng đừng kiêu hãnh, cho mình là chỉ có mình. Bởi vì, quảng sông sau, bao giờ cũng mắc nợ những dòng sông trước, và nhất là mắc nợ với nguồn mạch nguyên thủy.

Dù đời ta có như ngôi nhà lộng lẫy, thì cũng đừng tự đắc, cho mình là do mình mà có. Bởi vì ngôi nhà, vẫn mắc nợ với từng hạt cát, với từng viên gạch, với từng giọt mồ hôi, với biết bao công khó.

Tóm lại, đời ta là kết tinh của bao công ơn. Chịu ơn thì phải biết ơn. Mà biết ơn là biết nhìn nhau với đôi mắt khiêm tốn, là biết gần lại với nhau trong thái độ hiền hòa, là biết nói với nhau bằng những lời thân ái, là biết tặng nhau cảm tình nồng ấm.

Hãy biết ơn như thế. Đối với ai, thì mỗi người có thể tự trả lời. Hãy biết ơn. Đó là tiếng gọi ta nghe được khi nhìn lại quá khứ. Còn khi nhìn đi tương lai, ta nghe gọi gì.

2. Thưa, khi nhìn tương lai, ta nghe gọi:

Tiến bộ là không ngừng ở một chỗ, mà hãy bước thêm. Con người hướng về tuyệt đối, thì tuyệt đối là đích điểm xa vời. Nên chỗ nào trong đời sống cũng là tương đối. Lúc nào ta cũng có thể bước thêm. Bước thêm là tiến lên, là tiến bộ. Tiến về mọi phương diện: Tiến bộ về sản xuất, tiến bộ về hiểu biết, tiến bộ về ý chí cương quyết kiên trì. Nhưng nhất là tiến bộ về cái nhìn, về trái tim và về đức tin.

Tiến bộ về cái nhìn, là biết nhìn cuộc đời với con mắt thực tế hơn, khoa học hơn, tự tín hơn, không để mình bị mê hoặc bởi những ảo vọng hão huyền, những mê tín dị đoan, những mặc cảm sai trái. Là biết nhìn các lập trường và đường lối khác với mình bằng thái độ cởi mở hơn, để khiêm tốn xét lại, để sửa sai, để bỏ tước cho mình.

Tiến bộ về trái tim, là biết tránh kỹ hơn về nghi kỵ, về những hiểu lầm làm ta xa cách anh em đồng hành, là biết đoàn kết hơn, là biết thực thi bác ái yêu thương tích cực và rộng rãi hơn, đối với người đồng đạo, đối với các anh em không cùng tín ngưỡng.

Tiến bộ về đức tin, là biết tin cậy mến Chúa nhiều hơn, biết rút ra ở cuộc đời những bài học bổ ích cho linh hồn, biết bám víu vào Đấng có thể an ủi mình ở đời này, và ban cho mình hạnh phúc đời sau, là biết thu tích những sự thiêng liêng sẽ không bao giờ hư hao mất mát.

Muốn tiến bộ, cần phải được an tâm và tin tưởng. Cái gì sẽ giúp ta an tâm và tin tưởng. Thưa lòng đạo. Lòng đạo không phải chỉ là một ý thức hệ, nhưng là một sự sống tan hòa trong một sự sống, tức là sự sống của con người tín hữu, thông dự vào sự sống của Thiên Chúa. Lòng đạo không phải chỉ là tín điều, kinh kệ, lễ nghi, nhưng là sự gặp gỡ của một tình yêu với một tình yêu. Nghĩa là sự gặp gỡ của linh hồn với Thiên Chúa. Vì thế, lòng đạo đi vào sâu thẳm con

người. Ai biết tôn trọng và vun trồng lòng đạo, sẽ bước được nhiều bước tiến bộ cả về vật chất, lẫn về tinh thần.

Anh chị em thân mến,

Quá khứ gọi ta hãy biết ơn.

Tương lai gọi ta hãy tiến bộ.

Ta nghe tiếng gọi đó. Ta chấp nhận tiếng gọi đó. Ta muốn thực thi tiếng gọi đó. Vì thế, giờ đây, chúng ta cùng bên nhau, chung quanh Chúa nhân từ, để tìm nồng nàn thêm cho lòng biết ơn, và để tìm động lực thêm cho bước tiến bộ. Xin hãy cầu cho riêng mình, cho người thân, cho Quê Hương dân tộc. Xin cầu cho nhau. Để ít ra trong giờ phút đầu tiên của năm mới, chúng ta cũng làm được một việc có ý nghĩa. Amen.

+ Gm. GB. Bùi Tuần

VỀ MỤC LỤC

LỜI SỰ SỐNG

Sự sống quanh ta thật âm thầm mà kỳ diệu: sau một cơn mưa, những chiếc nấm nằm sâu trong lòng đất, ngái ngủ sau một cơn mơ dài, chỗi dậy và lớn nhanh phi thường. Sự sống của muôn loài cỏ cây và của con người thật là mạnh mẽ, can đảm vươn lên trước giông tố của cuộc đời. Không ai nhìn thấy sự sống, nhưng cũng không ai có thể phủ nhận sự hiện hữu của sự sống. Bởi vì chính sự sống đang hiện diện và từng giây từng phút giúp ta lớn lên trong cuộc đời.

Sự sống của muôn vật cỏ cây nhắc ta liên tưởng đến sự sống con người. Trong bất cứ nền văn hóa nào, sự sống cũng được coi là thiêng liêng, là ân ban của Đấng Cao Cả. Con người vẫn tin vào sự tồn tại của sự sống ở thế giới bên kia, tức là sau khi chết. Dù hoàn cảnh khó khăn, dù đau khổ chán chường, con người vẫn muốn vươn lên để sống. Trong những lúc bức xúc cùng cực, có người đã tự tìm đến cái chết như một phương pháp giải thoát, nhưng thường là những lúc quẫn trí, chứ nếu có thời gian bình tâm suy nghĩ thì họ sẽ không đủ can đảm quyết định tự kết liễu đời mình.

Sự sống thật thiêng liêng và kỳ diệu. Con người có thể thích hợp mọi hoàn cảnh của cuộc sống để tồn tại. Thánh Kinh dạy chúng ta, chính Thiên Chúa là nguyên lý và là nguồn mạch của sự sống. Chính Ngài là sự sống và thông ban cho chúng ta sự sống thiên linh. Qua Thánh Kinh là LỜI SỰ SỐNG, người tín hữu Kitô tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống nơi Thiên Chúa và nhờ đó họ xác tín hướng đi của mình.

1- Thiên Chúa thông ban sự sống cho con người

Dựa trên quan niệm Đông phương thời cổ cho rằng con người được nặn bằng đất sét, tác giả Sáng thế dùng lối so sánh con người được Thiên Chúa nắn cho nên hình nên dạng cũng như chiếc bình gốm được nặn ra bởi người thợ gốm. Như người thợ gốm tự do nặn ra những sản phẩm theo trí tưởng tượng của mình, Thiên Chúa cũng tự do sáng tạo và nắn nên hình hài con người như vậy. Con người là một sản phẩm của Đấng Sáng Tạo, tên gọi “A-đam”, nguyên tự Do Thái có nghĩa là “người”, là tên người đàn ông đầu tiên, có cách phát âm gần với “A-đam-a” có nghĩa là “Đất” phù hợp với quan niệm “con người bởi đất mà ra”.

Tuy vậy, con người được nắn cho nên hình nên dạng này còn có cái gì cao siêu hơn chiếc bình gốm, vì Thiên Chúa, sau khi nắn thành hình con người từ bụi đất, đã “thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật” (St 2,7). Con người trở nên một sinh vật, một vật sống, một hình ảnh của Thiên Chúa, mặc dầu xuất xứ từ bụi đất thấp hèn. Sinh khí được Thiên Chúa thổi vào, chính là sự sống làm cho con người khác với chiếc bình gốm, mặc dù còn mang bản tính mỏng giòn. Và, sinh khí ấy tồn tại nơi con người, là động lực thúc đẩy mọi hành động thể lý và tinh thần của con người. Sinh khí ấy là sự sống.

Theo truyền thống Thánh Kinh, sự sống không chỉ là nguyên lý cho sự hiện hữu thể lý của con người, nhưng còn là khả năng hành động. Khả năng hành động này là yếu tố để phân biệt người còn sống với người đã chết. Nhưng trên hết, sự sống luôn được khẳng định như một ân ban của Thiên Chúa cho con người. Bởi lẽ Thiên Chúa là Đấng Hằng Sống. Ngài thông ban sự sống của Ngài cho các tạo vật, để chúng được hiện hữu, tức là được sống. Ngài là nguyên lý hoạt động của mọi loài. Thiên Chúa như một mô-tơ khổng lồ làm cho vũ trụ chuyển động và đang dần dần đạt tới đích điểm tối hậu là sự giải thoát. “Thiên Chúa Hằng Sống”, đó là điều kiện căn bản để con người đặt để nơi Ngài sự phó thác và cậy trông. Vì con người mang trong mình bản tính phải chết, chỉ có Thiên Chúa là vĩnh cửu, tồn tại muôn đời.

Trong Thánh Kinh, sự sống thường được diễn tả qua “hơi thở” (x St 35,18; Gr 15,19). Đôi khi sự sống chính là máu trong cơ thể (x St 9,4; Lv 17,14). Vì lẽ đó người Do Thái không được ăn máu súc vật, vì máu chính là sự sống. Sự sống dài hay ngắn phụ thuộc vào tình trạng thuần khiết của sống đời sống luân lý. Tác giả Sách Sáng thế trình bày với chúng ta sự suy giảm dần về tuổi thọ con người vì lý do tội lỗi xuất hiện và hoành hành trên trái đất.

Ý tưởng về sự sống lại sau khi chết hay sự sống vĩnh hằng xuất hiện khá muộn trong truyền thống Thánh Kinh. Sách Tiên tri Đa-ni-el (được viết vào khoảng thế kỷ thứ II trước Chúa Giêsu) được coi nhưng có những diễn đạt đầu tiên về sự sống lại: “Trong số những kẻ an nghỉ trong bụi đất, nhiều người sẽ chỗi dậy: người thì để hưởng phúc trường sinh, kẻ thì để chịu ô nhục và bị ghê tởm muôn đời” (Dn 12,2).

Tuy vậy, trước đó người Do Thái vẫn tin vào sự tồn tại của con người sau khi đã “nhắm mắt xuôi tay”. Vì “âm phủ-Sheol” là nơi cư ngụ của những ai đã kết thúc hành trình trần thế này. Tuy vậy, con người trong nơi âm phủ không còn ca tụng Chúa, không còn làm những việc phúc đức như khi còn sống trên trần gian “vì ở nơi cõi chết, chẳng ai nhớ đến Ngài, ở Sheol, ai người ca tụng Chúa?” (Tv 6,6). Chỉ có người sống mới có thể ca tụng và thực thi những hành vi tôn thờ Thiên Chúa.

2- Đức Kitô: sự sống của Thiên Chúa

Các Ngôn sứ trong Cựu ước luôn giáo huấn Dân Chúa hướng về sự sống mới, sự sống do chính Đức Chúa thông ban. Sự sống ấy không phải như quan niệm thường ngày, nhưng là sự sống vượt lên trên sự chết. Trình thuật về những bộ xương khô trong Ngôn sứ Edêkien cho thấy hoạt động của Thần khí Thiên Chúa thật kỳ diệu: từ những bộ xương khô rải rác trong thung lũng, Thiên Chúa đã làm cho chúng hồi sinh trở thành một đạo quân đông vô kể. Thiên Chúa quyền năng sẽ mở huyết cho Israel và làm cho họ được sống (x Ed 37,1-4).

Sự sống mới trong ân sủng của Thiên Chúa được Đức Kitô đem đến trần gian. Chính ngài là sự sống của Thiên Chúa. Ngài đã long trọng tuyên bố: “Ta là Đường, là Sự thật và là Sự Sống” (Ga 14,6). Cũng như thuở bình minh của công trình sáng tạo, Lời Thiên Chúa đã sáng tạo mọi sự, đến thời sau hết, Lời ấy đến để làm cho thế gian được sống và được sống dồi dào (Ga 10,10). Trọn cuộc đời của Đức Giêsu nhằm đem sự sống đến cho trần gian, cho con người.

a- Đức Giêsu đến để thông ban sự sống Thiên linh cho con người:

Con Thiên Chúa đã đến trần gian. Những ai đón tiếp Người, Người sẽ cho họ nên giống như Người, tức là được quyền trở nên con Thiên Chúa. Nhờ Đức Giêsu, chúng ta tuy là tạo vật thấp hèn, được nâng lên hàng danh dự vinh quang và được trở nên con Thiên Chúa. Trong Đức Giêsu, chúng ta trở nên những dưỡng tử của Thiên Chúa, được thông ban sự sống từ nơi Ba Ngôi. Nhờ Đức Giêsu, chúng ta được hoà quyện vào dòng chảy tình yêu nơi cung lòng thâm sâu của Thiên Chúa, được kết hợp và chiêm ngắm Ngài ngay khi chúng ta còn sống ở đời này. Mỗi thân tình ấy chính là sự sống siêu nhiên mà chúng ta được tham dự nhờ Đức Giêsu nhập thể. Với việc Đức Giêsu đến trần gian, phẩm giá con người được thăng hoa, cuộc sống con người có ý nghĩa đặc biệt. Vì Thiên Chúa đã mang lấy hình hài của con người như chúng ta, nên con người không phải được dựng nên rồi phó mặc cho sự hư mất, nhưng có một đích điểm cần đạt tới, đó là để sống muôn đời trong vinh quang của Thiên Chúa.

b- Đức Giêsu đến để giao hòa con người với Thiên Chúa:

Nhân loại tội lỗi đi trong tối tăm và sự chết. Những kinh nghiệm đau đớn của cuộc sống đời thường đã chứng minh cho chúng ta thấy bản chất yếu hèn của con người. Đức Giêsu đã đến để đem sự sống cho trần gian. Ngài làm cho con người phục hồi tình trạng nguyên thủy mà họ đã đánh mất khi phạm tội vì bất phục tùng. Do sự bất tuân của Adam, nhân loại đã phải nhuộm màu đen tối của tội. Do sự tuân phục của Đức Giêsu, con người được giải phóng khỏi bản án nguyên tội. Dòng chảy của ơn tha thứ bắt nguồn từ thập giá Đức Kitô đã lan toả đến với con người mọi nơi mọi thời và đem lại cho họ niềm vui của sự sống. Phúc âm diễn tả cho chúng ta thấy niềm vui của người phụ nữ goá bụa thành Na-im khi thấy con trai duy nhất đã chết được sống lại (Lc 7,12); niềm vui của Madalêna, cô gái điếm đã được hồi phục do lời tuyên bố của Con Thiên Chúa (Lc 7,36-50); niềm vui của gia đình Bà Mattha và Maria cùng dân thành Bêthania khi được chứng kiến Lazarô đã chết được sống lại (x Ga 11). Khi Đức Giêsu đem lại niềm vui cho những tội nhân bị ràng buộc bởi kỳ thị, bởi mặc cảm, bởi tội lỗi, bởi bệnh tật là Người đem lại cho họ sự sống. Không những chỉ đem lại cho họ niềm vui tái sinh, Người còn làm cho họ hòa nhập với cuộc sống cộng đồng, chấm dứt tình trạng sống trong cô lập thành kiến.

c- Đức Giêsu Phục sinh là bảo đảm sự sống lại vĩnh cửu cho chúng ta:

Đức Giêsu sánh ví mình như người Mực Tử tốt lành. Trong truyền thống Thánh Kinh, “người Mực tử tốt lành” bao gồm rất nhiều đặc tính: hy sinh, quả cảm, nhân từ, nhân nại, hiền hòa, thánh thiện. Qua hình ảnh Người Mực Tử tốt lành, Đức Giêsu đã loan báo về cuộc khổ nạn của Người. Đó là sự hy sinh vì đoàn chiên. Người chịu chết để cho đàn chiên được sống (x Ga 10,1-10), để đem cho chúng sự an toàn và hạnh phúc. Lễ nghi của Tuần Thánh mỗi năm nhắc chúng ta tình thương cao cả của Người Mực Tử tốt lành này. Thập giá là lời tuyên bố hùng hồn và là chứng từ mãnh liệt về tình thương của Thiên Chúa. Đức Giêsu đã hiến mạng sống mình vì nhân loại. Sự sống tự hiến của Người không dẫn Ngài đến chỗ chấm hết, nhưng mở ra một cuộc sống mới, đó là cuộc phục sinh vinh hiển, khi Người từ cõi chết sống lại. Sự Phục sinh của Đức Giêsu chính là bảo đảm và nguồn hy vọng cho chúng ta. Như thế, trong cuộc sống còn ám ảnh và nặng trĩu bóng dáng của thập giá này, chúng ta vững tin vào tình thương Thiên Chúa, đồng thời xác tín lý tưởng cuộc đời mình nơi Đấng đã chiến thắng tử thần và đã sống lại vinh quang.

3- Sự sống lại: niềm hy vọng của chúng ta

Con người được dựng nên cả xác và hồn. Khái niệm “con người” diễn tả trọn vẹn thực tại này. Trong kinh Tin kính các tông đồ, chúng ta tuyên xưng: “tôi tin xác loài người ngày sau sống lại, tôi tin hằng sống vậy. Amen”. Những điều này nhiều khi làm chúng ta lầm tưởng là sự sống lại chỉ dành cho phần xác, hoặc do sự chết, xác và hồn phải lìa nhau mãi mãi.

Có sự khác biệt giữa quan niệm của người Hy Lạp và quan niệm Thánh Kinh trong vấn đề này:

- Theo quan niệm Hy Lạp, xác và hồn là hai thực tại độc lập được liên kết với nhau nơi một con người. Xác thì nặng nề, hồn thì lanh lẹ. Xác như nhà tù giam cầm linh hồn. Khi chết là hồn được giải phóng khỏi xác. Hai thực tại này vẫn tồn tại nhưng là tách rời nhau. Hồn bất tử, xác bị tan rã và biến đổi thành một hình thái hiện hữu khác nhau.

- Trong quan niệm Thánh Kinh, khái niệm bất tử diễn tả sự sống lại. Sự bất tử này không chỉ dành cho linh hồn, mà là cho cả con người trọn vẹn. Bởi con người được định nghĩa là có xác và hồn. Ngay cả khi Thánh Kinh tuyên bố: mọi xác phàm sẽ được nhìn thấy ơn cứu độ của Thiên Chúa, thì chữ “xác phàm” cũng bao hàm con người trọn vẹn có hồn-và-xác. Hạnh phúc vĩnh cửu dành cho con người là hạnh phúc cho cả hồn lẫn xác: “Sau khi da tôi đây bị thiêu hủy, thì với tấm thân, tôi sẽ được nhìn ngắm Thiên Chúa” (Sách Gióp 19,26). Như vậy, ơn cứu rỗi chính là sự sống lại của con người, chứ không phải chỉ thân xác mà thôi.

Kinh Tin kính Công đồng Nicêa được đọc trong Phụng vụ Chúa nhật và lễ trọng có nội dung rõ ràng hơn: “Tôi trông đợi kẻ chết sống lại, và sự sống đời sau. Amen”. Với lời tuyên tín này, quan niệm về con người theo nhãn quan Kitô giáo được trọn vẹn hơn, vì chúng ta không chỉ trông chờ “xác” sống lại, mà là “kẻ chết”, tức là con người. Đức Tin vào sự phục sinh của Đức Kitô là nền tảng cho sự phục sinh của thân xác loài người. Vì Đức Giêsu mang lấy một thân xác nhân loại. Thân xác ấy đã phục sinh từ giữa những kẻ chết và đang ngự trong vinh quang bên hữu Chúa Cha.

4- Dân tộc được tái sinh

Phụng vụ Phép Thanh Tẩy của Đêm Vọng Phục Sinh nhằm nhắc lại cho chúng ta biến cố nền tảng của đời sống Kitô hữu: hết thảy chúng ta được tái sinh trong sự chết của Đức Giêsu. Cuộc vượt qua của Người trong lịch sử, đi từ cõi chết đến cõi sống đã giúp chúng ta vượt qua con người cũ để mặc lấy con người mới, tức là từ bỏ con người cũ để sống trong ánh sáng của Đấng Phục Sinh. Lời tuyên thệ của ngày được thanh tẩy nhắm đến việc từ bỏ ma quỷ, từ bỏ tội lỗi và những ma lực lôi kéo chúng ta trong cuộc tranh đấu đầy cam go này, giờ đây được long trọng tái xác lập, như điều dốc quyết và khơi lại sự nhiệt tâm theo Chúa.

Chính nhờ Bí tích Thanh Tẩy, chúng ta được gia nhập Dân Tư Tế, Dân được tái sinh, Dân được mời gọi để đi từ tối tăm đến với ánh sáng (x 1 Pr 2,9-10). Trong dân này, không còn giai cấp, không còn phân biệt địa vị xã hội, ngôn ngữ và chủng tộc, nhưng hết thảy đều là con của Cha trên trời và đang được mời gọi cố gắng đạt tới sự thánh thiện. Dân này có sứ mạng loan truyền tình thương của Chúa và giới thiệu Ngài cho tha nhân. Qua Bí tích Thánh tẩy, chúng ta được mời gọi dấn thân để chết cho tội và sống cho Thiên Chúa. Tông đồ Phaolô đã quảng diễn chi tiết chân lý này: “Vì được chìm vào trong cái chết của Người (Đức Kitô), chúng ta đã cùng được mai táng với Người. Bởi thế cũng như Người đã được sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển của Chúa Cha, thì chúng ta cũng được sống một đời sống mới” (Rm 6,4 tt). Đêm Vọng Phục Sinh đưa chúng ta hướng về một tiến trình can thiệp của Thiên Chúa trong lịch sử cứu độ. Từ những giao ước ký kết với Israel, những biến cố kỳ diệu vượt qua Biển đỏ, chúng ta thấy mình được hòa vào trong chuỗi dài những sự kiện đó, để hôm nay chúng ta tiếp tục bước đi, với niềm tự hào là hậu duệ của Israel mới, dân lữ hành trong đức tin được thừa hưởng mọi lời hứa Thiên Chúa đã cam kết với Dân Ngài.

Lễ Phục sinh mời gọi chúng ta ý thức về sự sống, sự sống đời này và sự sống đời sau. Nếu xác tín sự sống là ân ban của Thiên Chúa, thì chúng ta có bổn phận làm tăng trưởng và phát huy ý nghĩa cao cả của sự sống. Sự sống con người, sự sống của muôn loài đang bị nguy cơ đe dọa trước phong trào hưởng thụ và tục hóa. Sự sống đã trở thành một món hàng để khai thác, thành một sản phẩm của phòng thí nghiệm. Phẩm giá con người bị đe dọa khi sự sống không được tôn trọng. Đã có nhiều nỗ lực phong trào bảo vệ sự sống trong Giáo hội và trên Đất nước Việt nam chúng ta như chống phá thai, an táng các thai nhi bị sát hại, thông tin tuyên truyền chống HIV và SIDA, nuôi dưỡng thăm viếng trẻ cô nhi và người tàn tật, lên án những hình thức buôn bán phụ nữ và trẻ em, buôn bán ma túy. Những hoạt động này cần được nhiều người cộng tác và hưởng ứng.

Kết luận: Sự sống đời đời là nhận biết Thiên Chúa là Cha (x Ga 17,1-3). Con người mang trong mình sự sống của Thiên Chúa, Đấng yêu thương họ và mời gọi họ từ hư vô đến hiện hữu. Đức Kitô là LỜI SỰ SỐNG đã xuất hiện trên trần gian để đem lại cho chúng ta sự sống thật, để rồi khi đón nhận và tuân giữ Lời Người, chúng ta thực sự trở nên hiện thân của Đức Kitô nơi cuộc đời này như Thánh Phaolô Tông đồ: “Tôi sống, nhưng không còn phải là tôi, mà là Đức Kitô sống trong tôi. Hiện nay tôi sống trong xác phàm, là sống trong niềm tin vào Con Thiên Chúa, Đấng đã yêu mến tôi và hiến mạng vì tôi” (Gl 2,20). Cuộc sống với Đức Kitô và trong Đức Kitô đã được thực hiện ngay từ bây giờ, trong hoàn cảnh cụ thể của mỗi người, nếu chúng ta quảng đại để cho LỜI SỰ SỐNG sinh hoa kết trái nơi chúng ta.

+ GM Giuse Vũ Văn Thiên, Hải phòng - Thứ Năm Tuần Thánh 2006

VỀ MỤC LỤC

CHÚA NHẬT CHÚA CHIÊN NHÂN LÀNH

Chúa Nhật IV Mùa Phục Sinh, thường được gọi là Chúa Nhật Chúa Chiên Lành. Câu xướng trước Phúc Âm của các năm A, B và C đều trích trong Phúc Âm Thánh Gioan (10,14): “Ta là Mục tử nhân lành, Ta biết chiên của Ta, và chiên của Ta biết Ta!” Các bài Phúc Âm năm A, B và C đều trích trong Phúc Âm của Thánh Gioan: 10, 1-10 (Năm A); 10,11-18 (Năm B); 10, 27-30 (Năm C).

Trong các bài Tin Mừng trên đây, Chúa Giêsu xác định Người chính là cửa của đoàn chiên, và cũng chính là người chăn chiên nhân lành. Chỉ những chủ chiên nào đi theo cửa của Người (theo đường lối của Người) mới là chủ chiên thật (Gioan 10,2).

Suy nghĩ về Chúa Nhật Chúa Chiên Lành, Cha M. D. Phillippe, O.P. viết những lời suy niệm sau đây:

“Mọi công việc trong cuộc đời truyền giáo của Chúa Kitô, vị Chủ Chăn Nhân Lành, đều đơn giản là những công việc của tình thương xót đối với đoàn chiên, đối với mọi người. Tuy nhiên, chính nơi cơn “hấp hối” tại vườn “Cây Dầu” và trên Thánh Giá mà chúng ta cảm nghiệm được trọn vẹn Lòng Thương Xót của Chúa.

“Mọi khổ đau của những người tội lỗi, mọi hậu quả của tội lỗi, Chúa Kitô đều vui lòng mang lấy vào mình. Không một khổ đau nào của nhân loại xa lạ với Chúa Kitô. Người thấu suốt tất cả và mang lấy tất cả vào trong thâm sâu của trái tim Người. Người đã sống những giây phút thật căng thẳng mà không ai có thể cảm nghiệm được. Người mang lấy tất cả vì tình yêu vô biên đối với mọi người chúng ta. Tình thương xót của Chúa thật huyền diệu và đi đến tột đỉnh!

“Là vị Mục Tử nhân lành, Chúa Kitô biết những điều Người phải làm. Người biết từng con chiên với những yếu đuối và những nhu cầu của từng con chiên. Người biết rằng để trở nên một Mục Tử nhân lành theo đúng ý nghĩa, người chủ chăn phải yêu mạng sống của con chiên hơn mạng sống của mình; phải muốn đặt mình vào hạng những người tội lỗi, vào hạng những người bị ruồng bỏ để có thể cứu vớt mọi người; phải dám ‘tự hủy ra không’ để có thể chấp nhận mọi bất hạnh, khinh chê, và bị coi như tầm thường hơn hết mọi người!”

Khổ hình Thập Giá với ý nghĩa đặc biệt trọn vẹn của khổ đau để cứu chuộc, đã tỏ cho chúng ta thấy rõ tình thương xót vô biên của Chúa. Không từ chối gì cả, Người đã chấp nhận mọi khổ đau, mọi nhục nhã, mọi gánh nặng tới mức không còn có thể chịu đựng hơn được nữa. Như vậy, lòng Thương Xót của Chúa không phải chỉ ở chỗ tìm đến để giúp đỡ những người yếu đuối, mà còn ở chỗ, như một người mẹ, cúi mình xuống tận những kẻ đã sa ngã và cúi xuống sâu hơn họ để cứu vớt họ và nâng họ lên (chứ không phải kéo họ lên; Người đã vác con chiên lạc lên vai và đưa về đoàn, đưa về lại cuộc sống).

Tự hạ mình xuống sâu thẳm, Chúa Kitô đã muốn bị coi như kẻ đáng tội hơn cả Babara (Mattheu 27,16...), như một kẻ tội phạm công khai, như một kẻ nói phạm thượng, như một kẻ thù của lề luật Moise, kẻ không chịu giữ ngày Sabat, một kẻ nguy hiểm quấy phá dân chúng. Hơn nữa, Chúa Kitô còn muốn trở nên như một đồ vật mà người ta che mắt không dám nhìn, đến nỗi khi đã chết rồi còn bị người ta đâm vào cạnh sườn thấu tới trái tim.

“Như vậy, Tình thương xót của Chúa là một thực thể bao quát tất cả con người, không một chi thể nào trong thân thể của Người không bị thương tích, và linh hồn Người cảm thấy buồn sầu đến chết đi trong cơn hấp hối (Mat-thêu 26,38).

Hy lễ thập giá thật là một sự tôn thờ tuyệt đỉnh và cũng biểu lộ tình Chúa thương xót đến tuyệt đỉnh. Nơi trái tim của Chúa Giêsu chịu treo trên thập giá vừa mang sự Thờ Phụng (Chúa Cha), vừa mang tình thương xót nhân loại như anh em để giúp đỡ họ, an ủi họ, chuộc lấy mọi tội lỗi của họ và đem lại cho họ nguồn sống mới.” (Dịch theo bản tiếng Anh, trong Magnificat, April 2005, Fourth Sunday of Easter; những chữ ở ngoặc đơn là chú thích của người dịch).

Đọc những dòng trên đây, chúng ta càng hiểu biết sâu xa hơn tình thương xót của Chúa Giêsu, Đấng Chăn chiên nhân lành, đối với đoàn chiên như thế nào, đến nỗi đã chấp nhận mọi khổ đau đến cùng cực và đổ đến giọt máu cuối cùng cho đoàn chiên của Chúa! Và khi không còn sống ở trần gian nữa, Người vẫn tiếp tục “nuôi sống đoàn con” bằng chính Mình và Máu Thánh Người hiện diện thật sự trong Hình Bánh và Hình Rượu (Bí tích Thánh Thể), và thánh hóa đoàn chiên bằng các “phép Bí tích nhiệm màu.”

Thực sự, qua hoạt động của Chúa Thánh Thần, Chúa Giêsu vẫn ở với Giáo Hội “mọi ngày cho đến tận thế!” (Mattheu 28,20) Chúa Giêsu vẫn là vị Chủ Chăn chính điều hành Giáo Hội và qua các thời đại Chúa luôn luôn dẫn dắt đoàn chiên Chúa nhờ sự lãnh đạo của các vị chủ chăn Chúa chọn. Chúa đã chọn Thánh Phêrô và các Thánh Tông đồ và thành lập Giáo Hội Chúa kể từ

ngày Chúa Thánh Thần hiện xuống trên các Ngài và thánh hóa các Ngài. Từ đó, qua từng thế kỷ, Chúa vẫn tiếp tục gọi và chọn một số người để làm Chủ chiên chăn dắt Đoàn chiên Chúa.

Chúa chọn ai?

“Chúa chọn những người mà Chúa muốn (Matco 3,13) và trao cho những nhiệm vụ theo Thánh ý Chúa: Người thì làm Tông đồ, người thì làm Ngôn sứ, người thì chuyên rao giảng Tin mừng, người chuyên lo việc quản trị và giảng dạy... (Thơ Epheso 4,11). Không ai có quyền đặt mình vào địa vị trong Giáo Hội, nhưng tất cả đều do Chúa chọn và cất đặt .

“Nhưng tại sao Chúa chọn con?”

Vào những ngày sắp chịu chức Linh Mục, theo sự hướng dẫn của Cha Linh hướng và Cha Giảng Phòng (giảng tĩnh tâm để chuẩn bị chịu chức Linh mục) tôi thường cầu nguyện và nói thầm với Chúa: “Tại sao Chúa chọn con?”... Rồi vào ngày Lễ Truyền Chức cũng như dịp Lễ “Mở Tay” (Lễ Tạ Ơn) tôi thật cảm động khi nghe ca đoàn hát: “Không phải vì con Chúa chọn con! Nhưng vì bí nhiệm tình yêu Chúa!...”

Vâng, “không phải vì con Chúa chọn con” nhưng Chúa chọn “những ai mà Chúa muốn” (Matcô 3,13), sau khi Chúa đã lên núi một mình để cầu nguyện suốt đêm (Luca 6,12). Đó thật là một sự kỳ diệu của Ơn Gọi theo Thánh Ý Chúa. Chúa gọi Phêrô dù Ông đã “chối Chúa tới ba lần dù Chúa đã cảnh cáo Ông trước!” và lại còn đặt Ông làm Giáo Hoàng đầu tiên của Giáo Hội. Chúa đã chọn Phaolô ngay trên con đường Ông đi tìm bắt và bách hại đoàn chiên non trẻ của Chúa! Và suốt đời Ông vẫn phải mang những “yếu đuối” của mình ‘Ai yếu đuối mà tôi không yếu đuối!’... (2 Cor. 11,29) Mọi người được Chúa gọi và chọn đều cảm thấy mình bất xứng và thật lo lắng trước trách nhiệm được trao phó” như Đức Đường Kim Giáo Hoàng Benedicto XVI, khi được bầu chọn lên ngôi Giáo Hoàng, trong “Lời Tâm Tình Đầu Tiên của Ngài” cũng chia sẻ kinh nghiệm đó: “Tôi cảm thấy bất xứng và... thật lo lắng trước trách nhiệm được trao phó...” nhưng “Ơn Chúa đủ cho tôi!” (2Cor. 12,9...); nên Đức Giáo Hoàng cũng nói tiếp: “Tôi cảm thấy như bàn tay quyền năng của Thiên Chúa nắm chặt lấy tay tôi. Tôi như nhìn thấy ánh mắt tươi cười của Chúa và lắng nghe Chúa nói với tôi đặc biệt vào lúc này: “Con đừng sợ!”. Với tâm tình đó, những người được chọn đều khiêm tốn như Mẹ Maria để thưa lời “Xin Vâng!”.

Như vậy, chúng ta mới hiểu tại sao Chúa Giêsu đã “lên núi thức suốt đêm để cầu nguyện” (Luca 6,12) trước khi chọn các Tông đồ. Hơn nữa trong đêm trước khi tự trao mình để chịu cuộc khổ nạn để cứu chuộc nhân loại, trong Bữa Tiệc Ly, Chúa đã cúi mình xuống để rửa chân cho các Tông đồ để dạy cho các Ông bài học phục vụ trong khiêm tốn và Chúa đã tâm tình và căn dặn các tông đồ nhiều điều mà Phúc Âm theo Thánh Gioan đã ghi lại suốt các đoạn 13, 14, 15; còn toàn đoạn 17 ghi lại những lời Chúa Giêsu cầu nguyện thiết tha với Đức Chúa Cha cho các Tông đồ đang hiện diện, cũng như cho các Chủ chăn qua mọi thời đại; đặc biệt trong câu “Con không xin Cha cất họ ra khỏi thế gian; nhưng xin gìn giữ họ khỏi mọi sự dữ!” (Gioan, 17,15).

Trong thời gian giúp các giáo xứ Hoa Kỳ, khi gặp gỡ Giáo dân, thường có những người sau khi chào hỏi đã nói với tôi một cách thân tình “Thank you Father for being a priest!” (Cám ơn Cha đã là một Linh Mục!”. Chúng ta thường có lòng yêu mến và hằng cầu nguyện cho các chủ chăn trong Giáo hội; nhưng đặc biệt trong ngày Chúa Nhật Chúa Chiên Lành, chúng ta hãy dâng nhiều hy sinh và lời cầu nguyện cho Đức Giáo Hoàng cũng như cho các chủ chăn trong toàn thể Giáo Hội, cách riêng các chủ chăn Chúa sai đến làm việc giữa chúng ta.

Chúa Nhật IV Mùa Phục Sinh cũng là Ngày Thế Giới đặc biệt cầu nguyện cho Ơn Gọi (World Day of Prayer for Vocations): Trong Thánh lễ cũng như trong các kinh nguyện, chúng ta hãy dâng lời cầu nguyện cho có nhiều người được Chúa gọi và chọn để trở nên các nhà Truyền giáo và Chủ Chăn để rao giảng và chăn dắt Đoàn chiên Chúa. Chúng ta cũng cầu xin với Mẹ Maria, Mẹ Hàng Giáo Sĩ, chuyển cầu cho chúng ta; nhất là trong tháng này là Tháng Hoa dâng kính Mẹ.

Lm. Anphong Trần Đức Phương

NÓI VỚI CHÚNG TA: CÁC MỤC TỬ TRONG HỘI THÁNH CHÚA KITÔ

Mỗi đầu hè, khi mà màu hoa lửa, hoa học trò, bắt đầu những đốm cháy đỏ trên cành cây đã trút lá, cháy giữa một bầu trời xanh, cũng là lúc Hội Thánh bước vào mùa hoa thiêng liêng, mùa hoa của những kinh Kính Mừng ủ ấp trong bầu tim đỏ chất chứa lòng yêu mến của mỗi người, bật thốt trên môi miệng, kính dâng Người Mẹ hoàng mỹ của mình: ĐỨC MARIA.

Cứ mỗi mùa hoa lại về, các mục tử trong Hội Thánh không quên tổ chức nhiều hình thức khác nhau: khuyến khích từng cá nhân đừng quên lần chuỗi Mân Côi, sống các màu nhiệm kinh Mân Côi, hoặc đọc kinh Mân Côi chung, kinh Mân Côi “sống”, kinh Mân Côi gia đình, dâng hoa, rước kiệu, lễ lạ... để gọi về trong lòng mỗi tín hữu, trước là dâng lên Chúa sự tôn thờ của mình nhờ công nghiệp của Đức Mẹ, sau là tỏ lòng yêu mến Đức Mẹ, là mời gọi họ học lấy các gương nhân đức của Đức Mẹ để sống đạo mỗi một ngày một vững chắc hơn...

Nhưng đã có những hình thức nào cho chính các mục tử? Thật bất hạnh cho họ, bởi họ có thể đảm nhận trách vụ nhắc nhở người khác rất tốt, nhưng có khi chính lòng họ lại cứ trống rỗng, cứ lo toan mọi chuyện. Lòng họ chỉ đầy những bận bịu, tính toán, tổ chức, xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng xong lại khánh thành đợt một, khánh thành đợt hai... Họ phải đối đầu với xã hội bên này, chạy chọt với việc ký giấy tờ bên kia... Các mục tử ngập đầu, ngập cổ với bao lo toan trần thế. Có phải lòng đạo đức đã có... giáo dân lo? Hình như chúng ta nghĩ thế! Tuy suy nghĩ ấy không thành văn, không tỏ hiện rõ ràng, nhưng có lẽ đang trở thành hiện thực nơi nhiều vị mục tử trên quê hương này!

Nguy cơ của sự giảm thiểu lòng đạo đức, sẽ đến một ngày, đẩy các mục tử đến chỗ chỉ còn là cái trống thật to: nói hay, nhưng rỗng ruột. Mĩa mai quá: người nắm nhiệm vụ hướng dẫn đạo đức, lại chưa đủ tư cách đạo đức. Bởi vậy, chúng ta, những mục tử của Chúa hãy xét mình, xét mình nữa. Hãy ăn năn tội, ăn năn tội thật lòng. Hãy im lặng để phản tỉnh. Vì nhờ im lặng, ta phản tỉnh thật sâu.

Yếu đuối, lỗi lầm là điều có thật. Các mục tử, dù được gọi là các mục tử của Chúa, do Chúa tuyển chọn, cũng không tránh khỏi. Dẫu sao, một khi biết mình vẫn còn đó nhiều yếu đuối, lỗi lầm, họ thật hạnh phúc vì vẫn còn cơ may cho họ tìm về bên Chúa.

Có một mẫu gương sống với Chúa thật tuyệt vời, trở thành chuẩn mực cho chúng ta, những người lãnh trách nhiệm mục tử trong Hội Thánh, học lấy để đi về phía Chúa. Đó chính là MẪU GƯƠNG MARIA.

Mùa hoa lại về. Trước khi nhắc nhở giáo dân học đòi bắt chước nhân đức của Đức Mẹ, chúng ta đừng quên noi gương trước bằng suy niệm mẫu gương của Đức Mẹ, cầu nguyện nhiều hơn, sám hối nhiều hơn, siêng năng lần chuỗi Mân Côi, và ý thức từng lời kinh mà mình đọc... để thực sự cùng với Đức Mẹ sống bên cạnh Chúa Kitô qua mỗi chặng đường trần thế của Chúa, mà mỗi màu nhiệm Mân Côi gọi lại trong ta... Chúng ta hãy sống thảo hiếu với Đức Mẹ, nhờ Đức Mẹ mà hồi tâm, chỉnh đốn chính cuộc sống của mình.

Lm. VŨ XUÂN HẠNH

VỀ MỤC LỤC

ƠN GỌI PHỤC VỤ

Chúa nhật IV Phục Sinh, Lễ Chúa Chiên Lành, ngày thế giới cầu nguyện cho ơn thiên triệu. Chúa Giêsu Mục Tử Nhân Lành chính là mẫu gương tuyệt hảo cho mọi Ơn Gọi Phục Vụ.

1. Chúa Giêsu là Mục tử nhân lành

Từ Abraham cho đến Môisen, Đavit, biết bao Tổ phụ Do thái đã từng là những người chăn chiên. Từ kinh nghiệm của nghề chăn chiên, họ đứng ra lãnh đạo dân tộc. Quan niệm của họ về Thiên Chúa cũng dựa trên kinh nghiệm đó nên họ gọi Thiên Chúa là Mục tử và coi mình là đoàn chiên của Ngài.

Các Ngôn sứ thường dùng hình ảnh này để nói về tương quan thân tình giữa Thiên Chúa và dân của Người. Nhất là trong Ed 34, Sách Giôna chương cuối và TV 23.

Đặc biệt chương 10 Phúc âm Thánh Gioan: Chúa Giêsu là Mục tử nhân lành, là Cửa chuồng chiên.

Mục tử và đàn chiên là một hình ảnh rất đẹp gắn liền với dân du mục. Khác với hình ảnh những đứa trẻ chăn trâu, chăn bò ở làng quê Việt nam, chúng đi sau đàn vật. Người mục tử đi trước đàn chiên, dẫn chiên đến đồng cỏ xanh tươi, tìm suối mát cho chiên, dẫn về đàn những con chiên lạc, bảo vệ chiên khỏi thú dữ, biết từng con chiên một.

Chúa Giêsu là Mục tử nhân lành, mọi Kitô hữu là đàn chiên của Chúa. Chúa ban cho đàn chiên sự sống cách dồi dào, đó là sự sống đời đời. Mỗi con chiên đều quý giá vô ngần đối với Chúa. Người hy sinh mạng sống vì chiên. Mỗi tương giao này giống như tương giao Chúa Cha và Chúa Con, dựa trên sự hiểu biết riêng tư về nhau tức là trên tình yêu.

Không những là mục tử Chúa Giêsu còn là Cửa "Tôi là cửa cho chiên ra vào. Ai qua tôi mà vào thì sẽ được cứu. Người ấy sẽ ra vào và gặp được đồng cỏ". Câu trả lời đó khẳng định Chúa Giêsu chính là Cửa Cứu Độ.

Cánh cửa mở ra một chân trời mới :Cánh cửa tương lai; Cánh cửa đại học; Thời mở cửa; Bước qua ngưỡng cửa hy vọng; Cửa Nước Trời. Tại sao Chúa Giêsu là Cửa Cứu Độ ? Bởi vì Ngài là trung gian duy nhất và trọn hảo giữa Thiên Chúa và nhân loại. Ngài có vai trò thủ lãnh trong sự thánh hoá. Ngài thông truyền giáo huấn Thiên Chúa. Ngài đền tội và cầu khẩn cho nhân loại trước mặt Thiên Chúa. Ngài thu hợp toàn thể nhân loại và vũ trụ cho Thiên Chúa. Khi nhập thể Ngài thông truyền ân sủng Thiên Chúa cho mọi chi thể. Bằng hy lễ cứu độ thập giá trong tâm tình vâng phục yêu mến Chúa Cha, Ngài lập nên công phúc cứu độ loài người. Đức Giêsu phục sinh vinh quang mở đầu cho sự giao hoà giữa Thiên Chúa và nhân loại đưa nhân loại về với Thiên Chúa để dự phần đời sống thần linh cách dồi dào phong phú. Như thế Đức Giêsu là Cửa Cứu Độ duy nhất, là người mở đầu, là Đấng hướng dẫn, thông truyền ân sủng nên Người là Mục tử tốt lành vì đem lại sự sống phong phú và dư đầy cho đàn chiên.

Kitô giáo là đạo đi từ con người tới Thiên Chúa. Đây quả thật là "Đạo bất viễn nhân", không xa nhưng rất gần gũi với con người. Bởi lẽ đạo ấy đi vào chính giữa lòng đời, đã nhập thể vào chính cuộc đời, làm men, làm muối, làm ánh sáng để biến đổi lòng người, biến đổi trần thế.

Thánh Grêgôriô Cả nói rằng : Chúng ta đi theo Chúa Giêsu là đi theo con đường cứu độ, được nuôi dưỡng nơi đồng cỏ xanh tươi muôn đời. Quả thế, đồng cỏ của những người được chọn là chính thánh nhan Thiên Chúa luôn hiện diện. Khi con người không ngừng chiêm ngưỡng thánh nhan, lòng trí họ được thoả thuê mãi mãi nhờ lương thực ban sự sống. Vậy hãy tìm kiếm đồng cỏ này, hãy làm cho lòng bừng cháy niềm khát khao những kho tàng trên trời.

2. Đức Giêsu vị Mục tử hết mình phục vụ đoàn chiên

Cả cuộc đời Đức Giêsu từ khi nhập thể làm người đến tử nạn phục sinh có thể tóm tắt cách đơn giản là phục vụ đoàn chiên vì yêu thương. Đỉnh cao phục vụ là thí mạng vì đoàn chiên. Việc gặp gỡ Người, kết hợp với Người sẽ dần dần biến đổi chúng ta trở nên những người phục vụ. Mỗi người Kitô hữu đều có trách nhiệm phục vụ anh chị em mình trong tư cách tham dự vào trách nhiệm Mục tử của Đức Giêsu.

Trong sứ điệp ngày thế giới cầu nguyện cho ơn thiên triệu năm 2002, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã chọn chủ đề Ơn Gọi Phục Vụ. Khởi đi từ Đức Kitô: Người không đến để phục vụ, "nhưng để phục vụ và trao ban mạng sống để cứu chuộc nhiều người" (Mt 20,28). Người đã rửa chân cho các môn đệ và tuân phục chương trình của Chúa Cha cho đến chết, chết trên thánh giá (x.PI 2,8). Vì thế, Chúa Cha đã tôn vinh Người, ban cho Người một danh hiệu mới và đặt

Người làm Chúa trên trời dưới đất (x Pl 2,9-11). Đức Thánh Cha xác định :Một cách huyền nhiệm, ơn gọi phục vụ luôn là một ơn gọi thông phần một cách rất riêng tư vào trong sứ vụ cứu độ” (số 2). "Ơn gọi linh mục hoặc ơn gọi tu trì, bởi chính bản chất của nó, luôn là những ơn gọi để quảng đại phục vụ Thiên Chúa và người lân cận"(số 3).

Đức Thánh Cha đã từng nói rằng "Trong thời đại chúng ta, một thời đại tuy đã bị tục hoá, giải thiêng nhưng vẫn được thúc đẩy đi tìm sự thánh thiện; một thời đại rất cần có những vị thánh làm sáng tỏ sự hiện diện đầy yêu thương và quan phòng của Thiên Chúa. Nhân loại đang cần có những linh mục thánh thiện và những tâm hồn được thánh hiến, họ là những người ngày ngày sống hết mình cho Thiên Chúa , cho tha nhân, họ là những bậc cha mẹ sống chứng nhân ngay trong bầu khí gia đình nhờ ân sủng của bí tích hôn nhân, họ là những người trẻ có kinh nghiệm gặp gỡ Đức Kitô và được Người thu hút để hướng dẫn anh chị em đồng loại tới cội nguồn tin mừng"(Sứ điệp ngày thế giới cầu cho ơn thiên triệu lần thứ 36).

Ngài gửi lời mời gọi thiết tha đến các bạn trẻ “ cha hy vọng các con có thể biết cách lắng nghe tiếng Thiên Chúa mời gọi các con phục vụ. Đó là con đường mở ra biết bao hình thức của sứ vụ vì lợi ích của cộng đoàn :từ các tác vụ được phong cho đến các tác vụ khác nhau được thiết lập và được nhìn nhận là những thừa tác vụ,như dạy giáo lý,linh hoạt phụng vụ,giáo dục giới trẻ và những diễn tả khác nhau về đức ái” (Số 4)

3 . Ai phục vụ Thầy,người ấy phải theo Thầy

Một xã hội thiếu bóng dáng những người sống đời tận hiến là một xã hội thiếu lòng quảng đại, một xã hội bị khủng hoảng về ý nghĩa cuộc sống. Chính sự có mặt của những người sống đời tận hiến phục vụ như là một nhắc nhở rằng, con người có khả năng sống yêu thương, phục vụ như Đức Kitô và sống quảng đại hy sinh dần thân cho người khác.

Những người trẻ lớn lên thường lập gia đình, điều đó thật tốt đẹp. Nhưng Chúa Giêsu vẫn muốn một số người trẻ dâng hiến đời mình cho Chúa, ở bên Chúa cách đặc biệt để được sai đi. Vì thế Đức Thánh Cha nhắn nhủ những người trẻ ” Lời mời gọi của Chúa Giêsu vẫn còn vang vọng ngày hôm nay “Nếu ai phục vụ Thầy,người ấy phải theo Thầy” (Ga 12,26). Đừng e ngại đón nhận lời mời gọi này.Chắc chắn các con sẽ gặp phải những khó khăn hy sinh, nhưng các con sẽ hạnh phúc khi phục vụ, các con sẽ là chứng nhân của niềm vui mà thế gian không thể ban tặng. Các con sẽ là những ngọn lửa sống động của một tình yêu vô biên và vĩnh cửu. Các con sẽ nhận biết những phong phú thiêng liêng của chức vụ linh mục, quà tặng và mầu nhiệm thần linh” (Số 5).

Người sống đời tận hiến chấp nhận hy sinh quyền được lập một tổ ấm. Họ dâng tình yêu lứa đôi cho một tình yêu cao hơn trong ơn gọi tu trì để có thể yêu mãnh liệt và bao la hơn. Đức Thánh Cha khẳng định “Họ không tìm kiếm những lợi lộc vị kỷ,nhưng hiến mình cho kẻ khác, khi cảm nghiệm niềm vui của tính nhưng không qua việc hiến tặng bản thân” (số 4).

Người đi tu là người muốn nên trọn lành,muốn đạt đến đỉnh cao của sự toàn thiện. Đó cũng tựa như người leo núi. Muốn có ánh sáng thì phải lên cao. Để lên cao phải vất vả, nhiều khi phải leo lên những sườn dốc cheo leo. Leo núi là một cuộc mạo hiểm. Đó không phải là một cuộc dạo chơi nhàn hạ. Nó đòi hỏi sức khỏe, sức chịu đựng dẻo dai, tài khéo léo và nhất là sự can đảm. Đời sống tu trì cũng vậy. Nó đòi hỏi một sức khoẻ tinh thần ,thể xác, sự khôn ngoan, nhẫn nại, lòng can đảm, sức chịu đựng bền bỉ. Nếu không người ta sẽ sợ hãi chóng mặt, dừng lại và rút lui. Đỗi lại, người leo núi được hưởng những niềm vui mà người khác không biết đến. Đó là được ở trong ánh sáng không bao giờ tắt, được chiêm ngưỡng cảnh trời đất bao la hùng vĩ, cảnh mây bay lững lờ tận dưới xa chân mình, càng leo những núi cao càng khám phá ra muôn vàn những đỉnh núi khác.(x.Hoa trong kẻ đá,trang 9,Lm Thiện Cẩm)

4 . Cầu nguyện cho những người Mẹ

Ơn gọi tu trì là ân huệ đến từ Thiên Chúa. Gia đình là chủng viện đầu tiên, dòng tu đầu tiên ươm mầm ơn gọi phát triển. Các bậc cha mẹ là những người phát hiện và vun trồng cho ơn gọi lớn lên, trở sinh hoa trái.

Bài Tin mừng hôm nay đặc biệt thích hợp cho các người Mẹ. Giống như người mục tử, giống như Chúa Giêsu, một bà mẹ luôn có mối tương giao gần gũi sâu sắc với đàn con cái.Người Mẹ

yêu thương chăm sóc từng đứa con, tùy tính tình mỗi đứa để có cách giáo dục thích hợp. Không gì mà người Mẹ không làm để bảo vệ con khỏi nguy hiểm. Bà sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ để tìm kiếm đứa con lầm đường lạc lối trở về.

Ơn gọi tu trì thường do người Mẹ phát hiện và dìu dắt từng bước. Hầu như linh mục nào cũng giống Mẹ và rất kính yêu Mẹ của mình. Tấm lòng người Mẹ bao la như biển cả. Trái tim người Mẹ nhân hậu bao dung như đất trời. Bởi vậy ngày thế giới cầu cho ơn thiên triệu cũng cần dành lời cầu nguyện đặc biệt cho mọi người Mẹ trên thế giới. Xin cho mọi người Mẹ luôn sống vai trò mục tử nhân lành với con cái và luôn biết quăng đại dương con mình cho Chúa, cho giáo hội trong Ơn Gọi Phục Vụ.

Lm. Giuse Nguyễn Hữu An

VỀ MỤC LỤC

THÁNH GIUSE: Mẫu gương người công chính

I. DẪN NHẬP:

Theo thuật ngữ Kinh Thánh, từ công chính chỉ dùng riêng để nói về Thiên Chúa, như Chúa Giêsu đã từng tuyên xưng “*Lạy Cha là Đấng công chính*” (Ga 17,25). “*Chỉ mình Thiên Chúa là Đấng khôn ngoan chính trực; nơi người chẳng có chút bất công*” (Rm 16,27; Tv 92,16); nhưng con người cũng có thể được gọi là công chính và được công chính hóa (x. 1Cr 1,30), nhờ làm theo Thánh Ý của Người. Vậy, trước khi đi vào đề tài, xin giới thiệu đôi nét về thuật ngữ này:

II. CÔNG CHÍNH:

1. Thiên Chúa công chính:

- Thiên Chúa công chính, vì Người thánh thiện và tốt lành từ bản chất, Người luôn trung thành với giao ước và giữ trọn lời hứa. Vì “*giả như Thiên Chúa không công chính, thì làm sao Người phán xét thế gian được?*” (Rm 3,6).

- Đức Giêsu Kitô là Đấng công chính, vì Ngài không có tội gì hết, đến mức cả viên đội trưởng trước tòa Philatô cũng phải cất tiếng tôn vinh: “*Quả thật, ông này là người công chính*” (Lc 23,47), Ngài lại là Đấng cứu độ con người và làm cho con người trở nên công chính hóa (x. Cv 13,38-39; Rm 3,24; 1Cr 1,30). Ngài trung thành với Thiên Chúa một cách tuyệt đối, Ngài lại còn hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự (x. Pl 2,8).

2. Con người cũng có thể trở nên công chính:

- Người công chính là người trung thành với Thiên Chúa và luôn sống đẹp lòng Người (x. Lc 1,6).

- Là người luôn thực thi Thánh Ý Chúa, người biết việc này phải làm và việc kia không được làm (x. Mt 3,15). Vì “*người ta được Thiên Chúa coi là công chính, không phải vì nghe biết Lễ Luật, nhưng là vì tuân giữ Lễ Luật*” (Rm 2,13).

- Cũng như trong tám mối phúc (x. Mt 5, 3-19): người công chính là người chính trực, hiền lành, hoàn hảo... có quan hệ tốt với Thiên Chúa vì tuân theo Thánh Ý Người (x. Mt 5,20), không như nhóm kinh sư (x. 5,21-48), hay như nhóm pharisai (x. Mt 6,1-18), mà là đức công chính của người môn đệ Chúa (x. Mt 6,19-7,20), sống như Lời Chúa dạy để trở nên người môn đệ đích thực (x. Mt 7,21-27).

- “*Đức Giêsu chính là Đấng đã bị trao nộp vì tội lỗi chúng ta và đã được Thiên Chúa làm cho sống lại để chúng ta được nên công chính*” (Rm 4,25).

3. Thánh Giuse, Đấng công chính (Mt 1,19):

Nhiều người cho rằng: “Ông Giuse đã đính hôn với Bà Maria rồi (x. Mt 1,18), nhưng khi thấy

vợ mình mang thai thì lại định tâm bỏ trốn, vì biết rằng chủ nhân của bào thai đó không phải của mình (x. Mt 1,19); hành động ấy không quân tử chút nào sao lại khen ông là người công chính?”.

Theo lời giải thích của Cha Giáo Tanila Hoàng Đắc Ánh, OP: “Thánh Giuse cư xử như vậy mới thật là công chính”:

- Vì ông muốn giữ trọn luật Môsê. Luật cho phép ly dị trong trường hợp người vợ mang thai khi chưa chung sống với chồng. Mà trước khi về ở với Ngài, Đức Maria đã có thai, nên Ngài muốn ly dị.

- Vì Ngài muốn cư xử công bình hợp lý với Đức Maria. Công bình hợp lý ở chỗ có tội mới bị phạt. Nhưng Ngài biết Đức Maria là người vô tội nên không đưa ra pháp luật, mà luật pháp bấy giờ rất khắt khe đối với trường hợp phụ nữ mang thai không có người thừa nhận. Theo luật Môsê, thì người phụ nữ không chồng mà có thai thì kể là người phụ nữ ngoại tình, tội của họ là phải bị ném đá cho đến chết (x. Ga 8,5), hoặc lòi ra mà thiêu sống (x. St 38,24), hay phải bị một hình thức xử tử nào đó (x. Lv 20,10; Đnl 22,20tt).

- Ngài cư xử khiêm nhường, không dám nhận mình là người cha của một Hài Nhi mà Ngài biết là do Thiên Chúa.

Cha Giáo nhấn mạnh: *“Lý do thứ ba mới thật là đáng nói”.*

Với những giải thích nêu trên, cũng khá đủ để chứng minh rằng: Thánh Giuse là người công chính như Kinh Thánh đã khen tặng. Chưa kể đến những việc làm trong suốt cuộc đời của Ngài, hằng luôn vâng theo Thánh Ý Thiên Chúa (x. Mt 1,18-25; 2,13-23; Lc 2,1-7.22).

Vâng, Thánh Giuse là một người công chính. Ngài chỉ luôn ao ước sống công chính trước mặt Thiên Chúa. Vì thế mà Ngài đã quyết định không muốn tố giác Đức Maria và cũng không định tâm bỏ Bà cách kín đáo nữa, để tránh tối đa điều sẽ làm cho Đức Maria phải đau khổ.

III. GƯƠNG CÔNG CHÍNH CỦA THÁNH GIUSE ĐƯỢC THỂ HIỆN RÕ NÉT NƠI CÁC NHÂN ĐỨC CỦA NGƯỜI:

Kinh Thánh nói rất ít về cuộc đời và sự nghiệp của Thánh Giuse, nhưng chỉ cần thế thôi, cũng đủ để chúng ta nhận ra các nhân đức trong con người và đời sống của Ngài. Xin nêu lên một vài nhân đức tiêu biểu như:

1. Đức khiêm nhường:

Thánh Giuse là một người rất khiêm nhường: Ngài thừa nhận vị trí của Ngài với sự kính trọng đối với Đức Maria và Chúa Giêsu. Ngài biết Ngài thua kém các Đấng trong bậc thang ân sủng. Dù vậy Ngài vẫn chấp nhận vai trò vị hôn thê của Đức Maria và người canh phòng Con Thiên Chúa. Đó là nhân đức giúp ta nhận thức và hành xử trong tương quan liên hệ của chúng ta, đối với Thiên Chúa và với tha nhân.

Nhân đức này còn là bài học giúp chúng ta không cho mình là tốt hơn hoặc vượt hơn những gì là thực tại của mình, vì đó là tính kiêu ngạo; đồng thời, cũng giúp chúng ta không đánh giá thấp chính mình, hoặc từ chối những gì mình có mà cho rằng mình kém hơn, vì đó là sự khiêm nhường giả hình.

Sách nhân đức dạy rằng: *“Một người khiêm nhường không cho mình hơn những gì mình có, nhưng cũng không tự nghĩ mình kém hơn những điều mình có”.*

Khiêm nhường đúng đắn sẽ là một nhân đức, nó thừa nhận sự lệ thuộc hoàn toàn vào Thiên Chúa. Và theo luật luân lý, nó nhìn nhận sự bình đẳng mình cũng chỉ là một loài thụ tạo đối với các loài thụ tạo khác; có chăng mình cao cấp hơn một số loài thụ tạo khác, thì đó là một đặc ân Chúa ban và phải biết tạ ơn Người. Khiêm nhường không chỉ đối lập với kiêu căng, nó còn đối lập với sự hạ thấp chính mình thái quá, tức là không nhìn nhận những ân huệ Chúa ban và sử dụng chúng theo như ý muốn của Chúa.

2. Đức vâng lời:

Đức vâng lời của Thánh Giuse bao phủ lên mọi khía cạnh trong cuộc đời của Ngài. Ngài vâng lời khi nhận kết hôn với Đức Trinh Nữ Maria. Ngài vâng lời đón nhận Đức Maria về nhà mình, mặc dù đã biết Bà mang thai. Ngài vâng lời để Đức Maria cuốn gói đến nhà Bà Isave hàng ba tháng trời. Ngài vâng lời đi Bêlem để kê khai nguyên quán cùng với Đức Maria và đã chấp nhận cảnh đời nghèo hèn khi phải chọn hang bò lừa làm nơi sinh Chúa Hài Nhi. Ngài đã vâng lời khi đem Chúa Giêsu và Mẹ Người trốn sang Ai Cập giữa đêm đông lạnh giá. Ngài đã vâng lời khi đem Chúa Hài Nhi lên Giêrusalem dâng hiến theo như Luật dạy, và chấp nhận Thánh Ý nhiệm màu của Thiên Chúa khi lạc mất con, phải tìm kiếm khổ sở suốt ba đêm ngày.

Chúng ta học được gì nơi nhân đức vâng lời của Ngài? Thưa, vâng lời chính là một minh chứng tình yêu của Thánh nhân đối với Thiên Chúa. Và Thánh Ý của Thiên Chúa cũng là cách thức và là cơ hội Chúa dùng để thử thách mỗi người chúng ta. Chúng ta có bốn phạm chứng tỏ tình yêu của mình đối với Chúa, bằng sự vâng lời, tín thác và hy sinh. *“Tình yêu mà không có hy sinh là tình yêu giả dối”*; cũng vậy, *“nơi nào không có vâng lời thì ở nơi đó không có tình yêu. Nơi nào càng yêu nhiều, thì càng vâng lời nhiều”*.

3. Đức yêu thương:

Thánh Giuse có nhiều nhân đức đáng ca ngợi và noi gương, Ngài đáng được noi gương bắt chước, đặc biệt về tình yêu mến của Ngài đối với Đức Giêsu và Mẹ Maria đã đành. Nhưng Ngài còn đáng được ca ngợi và noi gương ở đời sống lao động và làm việc cần mẫn, cho tình yêu và vì tình yêu. Bí mật của tình yêu đích thực cũng chính là ở chỗ đó.

Trong nhân đức này, Thánh Giuse cho chúng ta nhận ra sự quan phòng của Thiên Chúa trong tất cả mọi công việc bốn phạm hàng ngày, tùy theo bậc sống của mỗi người chúng ta.

Vâng, Thiên Chúa không muốn hành động một cách đơn độc. Để biến đổi cuộc đời mỗi người chúng ta, Người muốn sử dụng lòng nhiệt tâm, nhiệt tình của con người nhân loại như một công cụ làm máng chuyển ơn thánh của Người. Qua đức yêu thương, khiêm tốn và chính trực của Thánh Giuse, chúng ta có thể nhận ra rằng mỗi người đều có một vai trò riêng trong kế hoạch của Thiên Chúa, và cách thế duy nhất để chu toàn trọng trách ấy là không ngừng điều chỉnh cách nghĩ, lời nói cũng như hành động của mình cho phù hợp với đường lối của Thiên Chúa.

4. Đức khiết tịnh:

Chúng ta vẫn tin rằng, Thánh Giuse là người suốt cuộc đời thanh tịnh hiến dâng. Truyền thống của Giáo Hội xưa nay vẫn tin và dạy rằng: Sở dĩ Thánh Giuse giữ mình như vậy, là vì Ngài luôn thi hành Thánh Ý Thiên Chúa, bảo vệ danh giá của Mẹ Maria và gìn giữ phẩm giá của Con Mẹ, người Con mà Ngài biết rõ là được sinh ra bởi quyền phép của Thiên Chúa, mà Ngài có trách nhiệm dưỡng dục.

Đối với chúng ta, chúng ta có thể thực hành nhân đức này được không? Thưa, tuy khó thực hiện hơn các nhân đức khác, nhưng mỗi người chúng ta đều có thể thực thi. Vì nhân đức khiết tịnh là nhân đức giúp con người tiết chế ước muốn khoái lạc dục tình theo các nguyên tắc Đức Tin. Với những người đã kết hôn, đức khiết tịnh giúp tiết chế sự thèm muốn không thích hợp cho đời sống vợ chồng. Với những người chưa kết hôn, đức khiết tịnh giúp gìn giữ sự thèm muốn làm điều dâm ô tục tĩu, ảnh hưởng xấu đến luân lý. Với những ai quyết định sống bậc tu trì, đức khiết tịnh giúp ước ao được thánh hiến hoàn toàn.

5. Đức khôn ngoan:

Tuy Phúc Âm không ghi lại lời nào của Thánh Giuse. Nhưng hành động và việc làm của Ngài đã nói lên rất nhiều điều, vì “đức khôn ngoan được chứng minh bằng hành động” (x. Mt 11,19). Chúng ta nhận thấy Ngài hành động hoàn toàn là điều khôn ngoan, kể cả trong sự im lặng.

Trong nhân đức khôn ngoan có ẩn chứa một đời sống âm thầm cầu nguyện. Ngài cũng thường xuyên cầu nguyện bằng đời sống vừa chiêm niệm vừa hoạt động: khi chiêm niệm, Ngài cầu nguyện trong thinh lặng; khi hoạt động, Ngài cầu nguyện bằng chính những công việc bốn phạm hằng ngày. Dù là chiêm niệm hay hoạt động, Ngài luôn cầu nguyện bên Chúa Giêsu và Mẹ Maria với hết tâm tình, sức lực và trí khôn của Ngài.

Qua nhân đức này, Thánh Giuse dạy chúng ta rằng: khôn ngoan chính là biết nhận thức đúng đắn về những việc phải làm hoặc những việc cần phải tránh.

Kinh Thánh dạy rằng: “*người khôn ngoan là người biết tìm kiếm nước Thiên Chúa và sự công chính của Người*” (Mt 6,33; xem thêm I Côrintô và II Côrintô).

Còn Sách luân lý thì dạy rằng: Đức khôn ngoan là một nhân đức bản trụ, thuộc về trí tuệ, nhờ đó con người nhận ra đâu là điều tốt phải làm và đâu là điều xấu cần phải tránh. Sự khôn ngoan có thể nhận được trực tiếp nhờ ơn sủng Chúa ban, nhưng cũng có thể huấn luyện và nâng cấp bằng thực hành trí tuệ của riêng mình. Vì thế đức khôn ngoan được coi là tự nhiên khi được phát triển bằng nỗ lực riêng và cũng được gọi là ơn siêu nhiên, vì do Thiên Chúa ban để thực thi chương trình cứu độ của Người.

IV. THAY LỜI KẾT- THÁNH GIUSE TRONG LÒNG NGƯỜI KITÔ HỮU:

1. Noi gương và cầu xin:

Thánh Giuse hẳn nhiên đáng cho mọi người Kitô hữu học hỏi và kêu cầu Ngài nguyện giúp cầu thay cho chúng ta trước tòa Thiên Chúa.

Thánh Giuse, vốn là người luôn thực thi Thánh Ý Chúa một cách tức khắc và chu toàn. Ước gì, mỗi người Kitô hữu chúng ta, đặc biệt là những người cha trong gia đình, luôn biết hướng nhìn lên Thánh nhân như một mẫu gương tin yêu phó thác và hy sinh, đặc biệt là bổn phận bảo vệ gia đình và giáo dục con cái.

Như việc Ngài cộng tác thực thi kế hoạch cứu độ của Chúa một cách nhạy bén, trong sáng, khôn ngoan, kín đáo, khiêm tốn và khó nghèo. Mong sao, mỗi người Kitô hữu chúng ta cũng có một lương tâm trong sáng và nhạy bén, luôn biết chú tâm đón nhận ý Chúa trong mọi hoàn cảnh; nhờ đó, chúng ta được ơn Chúa hướng dẫn để có thể vượt qua mọi khó khăn và thử thách trong đời sống thường ngày. Vì trong đời sống của chúng ta, thường khi gặp những lúc khó khăn, thử thách, nhất là cuộc sống giữa vợ chồng, cha mẹ và con cái hoặc giữa những tương quan liên đới của ta với người khác. Ước chi mỗi người chúng ta cũng có những quyết định tự quyết khi có những vấn đề quan trọng trong lắng nghe và cầu nguyện, để ý muốn của chúng ta luôn hợp với ý muốn của Thiên Chúa.

2. Những ngày lễ kính:

Lễ Thánh Giuse - Bạn trăm năm Đức Maria (19-03, Lễ trọng):

Chỉ có Phúc Âm thánh Máthêu và thánh Luca mới nói về Thánh Giuse. Theo hai Thánh Sứ, Thánh Giuse thuộc chi tộc Đavít: người được xem như dây liên hệ giữa dòng dõi Đavít với Đấng Mêsia.

Những chặng đường đời của Thánh Giuse cho chúng ta thấy rõ: Thánh nhân là con người của niềm tin và phó thác, một người được chia sẻ để hiểu biết Mầu Nhiệm của Thiên Chúa. Thánh nhân là con người tinh lặng, ít nói nhưng cần cù lao động.

Như được Thiên Chúa chọn làm Bạn Trăm Năm của Đức Trinh Nữ Maria; Ngài cũng được trao phó cho việc chăm sóc Con Thiên Chúa, như một người cha.

Thánh nhân sống bao lâu, chúng ta không rõ mấy. Kinh Thánh cho chúng ta thấy lần cuối cùng Ngài xuất hiện tại Giêrusalem, khi trẻ Giêsu lên 12 tuổi.

Giáo Hội Phương Tây chính thức tôn kính Thánh Giuse vào khoảng thế kỷ 14,15. Trong phụng vụ Rôma, thánh lễ này bắt đầu được cử hành vào năm 1621.

Đức Thánh Cha Piô XI đã công bố: Thánh Giuse là quan thầy của cả Hội Thánh.

Lễ Thánh Giuse Thợ - Bổn mạng của những người lao động (01-05, Lễ trọng):

Chính Đức Thánh Cha Piô XII đã xác định lễ Thánh Giuse Thợ vào ngày 01-05; đó cũng là ngày toàn thế giới mừng ngày Quốc Tế Lao Động. Trong ngày này, Thánh Giuse được tôn kính

như một mẫu gương lao động để mọi người noi theo. Điều này cũng nói lên ý thức và giá trị lao động của con người trong cuộc sống trần thế.

Thánh Giuse đã lao động bằng chính đôi tay và sức lực của mình để phục vụ lương thực và nhu cầu sống cho gia đình Thánh Gia. Lao động ngày hôm nay khác với ngày xưa, nhưng cũng có cùng một ý nghĩa khi con người sử dụng thân xác và trí óc của mình để lao động, họ thể hiện chính cuộc sống ý nghĩa và đích thực của mình để phát triển nhân vị và làm cho cuộc sống đó có giá trị ở giữa trần gian.

Hơn ai hết, người Kitô hữu lại cần phải có ý thức về đời sống lao động chân chính của mình, mọi công việc và thành quả của lao động đều phải qui hướng về Thiên Chúa.

3. Cầu nguyện:

Lạy Thiên Chúa là Cha toàn năng, Cha đã giao phó Mẹ Maria và Đức Giêsu cho Thánh Giuse, và Thánh nhân đã trung thành chu toàn sứ mệnh của mình để cộng tác vào công trình cứu độ nhân loại của Cha. - Xin nhậm lời Thánh nhân cầu thay nguyện giúp, cho Hội Thánh biết luôn luôn cộng tác với Đức Giêsu để hoàn tất công trình Cha đã khởi sự. Chúng con cầu xin...

Lạy Thiên Chúa tạo thành trời đất. Cha đã muốn cho con người lao động để tiếp tục công trình của Cha. - Xin nhậm lời Thánh Giuse chuyển cầu, cho chúng con biết noi gương Ngài để lại, mà chu toàn nhiệm vụ Cha đã giao phó, hầu sau này được hưởng niềm vui Cha đã hứa cho những ai trung thành với Thánh Ý Cha. Chúng con cầu xin...

JB. Bùi Ngọc Điệp

VỀ MỤC LỤC

HỌ CŨNG LÀ MỘT CON NGƯỜI

Man is imperfect. Con người là bất toàn.

Đây là câu châm ngôn của trường phái Alfred Adler của chúng tôi. Họ không bao giờ lên án, nhưng luôn khuyến khích chúng tôi: không có gì phải mặc cảm, không có gì phải lo sợ, không có gì phải e ngại, không có gì phải xấu hổ, không có gì phải chán nản, không có gì phải thất vọng khi thấy chúng ta lầm lỗi, vì chúng ta còn là con người chưa phải thần thánh. Điều quan trọng không phải là lỗi lầm, nhưng là sau lầm lỗi chúng ta có biết chỗi dậy và lên đường trở về nhà Cha hay không?

Khi nói đến những người lãnh đạo, thường chúng ta nghĩ ngay đến những con người cao siêu, thánh thiện, tài ba, lỗi lạc, ít có người nghĩ đến những con người cũng mang những yếu hèn của một kiếp người như chúng ta để cảm thông, để nâng đỡ và nhất là để thêm lời cầu nguyện cho họ. Bài viết này tôi muốn chia sẻ với quý anh chị em về khía cạnh đó, một khía cạnh rất thực tế, một khía cạnh rất là người của bất cứ một con người nào, dù là một con người rất thánh thiện và tài ba như vua thánh Đavit chẳng hạn, cũng đã có lúc trót lỗi lầm, để chúng ta biết rõ thân phận của kiếp người chúng ta và học ở đó một bài học khiêm tốn và thông cảm.

Hãy trở lại với câu chuyện vua thánh Đavit. Một buổi chiều kia, một buổi chiều đẹp trời, Đavit chỗi dậy và đi bách bộ trên sân thượng, ông thấy một người đàn bà đang tắm. Người đàn bà ấy rất đẹp và ông đã bị quyến rũ.

Sau giấc ngủ, Đavit đi bách bộ trên sân thượng nhà vua, việc đó không có gì sai trái cả, nhưng chính sự chán nản, chính khi tâm hồn xuống dốc cho thấy sức mạnh của sự dữ trong mỗi con người chúng ta. Sự dữ là một phần của con người. Nó nằm sẵn trong chúng ta và chỉ cần một sự khơi nhẹ cũng đủ để làm nó lộ diện.

Từ ngày hôm đó, Đavit âm thầm cho người điều tra về người đàn bà ấy và được biết bà ta là Bathseba, con gái Eliam, vợ của Uria. Đavit đã cho người đi đưa bà ta về và Đavit đã ngủ với bà ta.

Một con người tốt lành như Đavit nhưng chỉ trong phút chốc đã phạm tội. Thật vậy, chúng ta mang những kho tàng quý báu của chúng ta trong những chiếc bình sành, chỉ cần một chút bất cẩn là có thể làm tiêu tan ngay. Blessed Claude de la Colombiere nói: “Tôi cảm thấy trong tôi khả năng của mọi tội”.

Quả thế, trong bản tính con người yếu hèn của chúng ta, nhất là trong những lúc buồn phiền, chán nản, thất vọng hay những lúc chúng ta bất hòa, giận dữ người khác, chúng ta có thể liều mình dám làm bất cứ điều gì ngay cả những tội tày đình mà chúng ta không bao giờ dám nghĩ đến trước đây. Đó cũng là trường hợp vừa xảy ra ngay tại cung điện Roma. Một người lính vệ binh của Đức giáo hoàng vì quá tức giận trong phút chốc đã rút súng bắn chết ngay cả hai vợ chồng của viên đại tá, vị chỉ huy trưởng của anh ta, và sau đó anh ta cũng dùng ngay chính khẩu súng đó để tự sát.

Quả thật, may mắn cho chúng ta nếu chúng ta biết nhận thức ra được những điều đó. Ít ra nó cũng ngăn ngừa chúng ta khỏi bị khủng hoảng bởi những điều xấu mà chúng ta thấy nơi những người khác. Chúng ta không thể biết được lúc nào nó có thể xảy ra cho chúng ta.

Tiến trình của sự dữ luôn là một tiến trình chậm, nhưng nó vẫn luôn hoạt động. Nó thường bắt đầu với một yếu điểm vô tội. Đó có thể là một sự tò mò, một hiếu kỳ của con người mà ai trong chúng ta cũng đều có. Nhưng chỉ trong một thời gian ngắn, cái yếu điểm ấy đã phát triển một cách nhanh chóng, trở thành một tội ác, một kẻ giết người ở cuối câu chuyện của Đavit: Uria đã bị giết chết bởi mưu đồ của Đavit.

Đây là cách thế mà sự dữ thường phát triển trong mỗi con người chúng ta. Nó bắt đầu không có gì là quan trọng, không có gì đáng quan tâm. Nó quá tầm thường đến độ không ai để ý, chẳng hạn như tôi nói láo, đó có thể là một điều nhỏ. Nhưng đã một lần tôi nói láo, tôi phải nói một lần nữa để người ta tin. Không bao lâu tôi đã rơi vào tình trạng một kẻ chuyên môn nói láo. Lấy một ví dụ: một người muốn lập công với cấp trên của mình để có được một chỗ đứng quan trọng trong cộng đồng như lòng mong ước. Một hôm anh đến thưa với cấp trên rằng:

Anh Nguyễn văn A đang âm mưu tìm cách tẩu chay ngài để chiếm địa vị của ngài.

Thế là anh được hỏi: Anh biết Nguyễn văn A đang âm mưu thế nào ?

Vì đã trót nói láo nên phải nói láo luôn để họ tin:

- Anh ta đã triệu tập những người chống đối ngài.

- Ở đâu ? Ở đường Charles, số nhà 100, nhà ông David Nguyễn.

- Gồm những ai ? - Gồm ông Peter Trịnh, bà Anna Lê , ông Joseph Nguyễn..

- Vào ngày nào ? - Ngày 26/11/97 lúc 10:00am, vào chính lúc ngài cho ra mắt tập sách của ngài.

- Khi nào thì họ ra tay hành động ? - Vào tháng sau. Họ tính làm gấp nên chúng ta phải hành động trước họ, càng sớm càng tốt, không được chậm trễ. Tuyệt đối là ngài phải giữ bí mật, nếu để lộ bí mật thì nguy to cho ngài và cho cả chúng tôi nữa vì tất cả dân chúng đều nghe theo lời anh ta.

Và nếu vị lãnh đạo ấy thiếu khôn ngoan, sáng suốt thì chắc chắn anh Nguyễn văn A sẽ phải đền tội đủ. Có ai biết cho rằng đó chỉ là một sự giàu óc tưởng tượng của những con người chuyên môn nói láo.

Cũng vậy, một người không đi học nhưng muốn khoe khoang là một người có học, bị người bạn hỏi thăm: Anh đang làm gì ? Có còn đi học không ? Vì không dám trả lời rằng không, nên nói có. Thế rồi, người bạn hỏi tiếp: Anh đang theo học trường nào ? Đã lỡ nói láo nên phải nói láo luôn: trường U of M (university of Minnesota) –Học môn gì ? –Computer science –Lấy mấy lớp ? Lấy 4 lớp ...và cứ như thế đến vô tận.

Một ví dụ khác là ly dị. Ly dị không phải là mới xảy ra bây giờ. Nó đã có lâu đời trong lịch sử.

Nó có thể bắt đầu với cảm giác chán chường. Có lẽ người chồng có cảm giác sợ hãi mình trở nên già và đã phóng sự sợ ấy lên người vợ. Sự lo âu sợ hãi của anh làm anh ta buồn chán và bắt đầu mất đi sự thích thú với vợ mình. Những cảm giác đó làm việc trong vô thức để rồi dần dần khiến anh xa dần vợ anh. Anh ta bắt đầu thích đi tìm một người đàn bà khác, một cái gì mới mẻ hơn. Vì thế, khi có dịp may đến, dĩ nhiên anh sẽ không bỏ lỡ cơ hội để làm quen, để gây mối tình thân thiện, hay để nói lại mối tình xưa nghĩa cũ đối với những bạn bè ngày xưa. Chẳng hạn, vào một ngày cuối tuần nào đó, có thể tình cờ gặp lại một người bạn cũ, chắc chắn anh sẽ không bỏ lỡ cơ hội tốt để ngỏ ý mời cô bạn đi ăn tối và cùng nhau đi xem phim cuối tuần. Và dĩ nhiên cô bạn cũng sẽ vui vẻ đáp lại lời mời của anh. Từ đó, hai người có dịp gặp gỡ trở lại và dần dần họ trở thành thân mật với nhau hơn trước. Sau một thời gian, họ thấy rằng họ đang trên con đường nguy hiểm, nhưng họ nói với nhau: "Chúng ta sẽ xếp đặt. Chúng ta sẽ có giới hạn. Chúng ta chỉ là những người bạn tốt của nhau". Họ thật là điên cuồng bởi lẽ lý luận của con tim thì khác với lý luận của lý trí và cảm xúc của con người thì khó có thể giới hạn được. Dĩ nhiên là ở cuối chặng đường, họ sẽ tìm cách để có thể đi đến quyết định ly dị hôn nhân của họ để họ có thể lấy nhau và chung sống với nhau.

Thật vậy, sự dữ bắt đầu với một yếu tố hết sức tầm thường, tầm thường đến độ không một ai có thể ngờ được nên chẳng mấy ai đề phòng. Như mọi sự sống, sự dữ bắt đầu với một hạt giống, nó đâm chồi đâm rễ và mọc lên. Hãy xem trong câu chuyện Đavit, sự dữ tiến hành thế nào? Người đàn bà mang thai và đưa tin cho Đavit. Đavit sau khi nghe biết sự việc, đã tìm cách che giấu tội mình. Một điều mà ông ta hết sức quan tâm đó là cứu bộ mặt của ông. Ông ta không muốn nhận tội mình và vì thế ngày càng lún sâu vào vũng lầy của sự dữ. Từ nay mọi quyền lực của ngại vàng đều được xử dụng cho mục đích này là: bảo vệ danh dự của ông. Không có lý do nào để Đavit ra lệnh cho Uria rời bỏ chiến trường về hoàng cung và rời cho về nhà để ngủ với vợ trong lúc chiến trường đang gay gắt. Nhưng không may cho Đavit, Uria đã không về nhà nhưng ngủ lại hoàng cung, và như thế mưu đồ của Đavit thất bại. Đavit thấy mình thất bại, vội vàng xoay sang thủ đoạn khác. Ông tìm cách để cho Uria được đẩy ra ngoài địa đầu chiến tuyến, chỗ nguy hiểm nhất để Uria bị giết chết. Lần này thì mưu đồ của ông đã thành công. Ông đã làm công việc đó để cứu sĩ diện của ông. Nhưng điều đó không đúng chút nào lại còn mang thêm một trọng tội khác.

Sau khi Đavit đã được sứ giả cho biết Uria đã bị giết chết, Đavit đã đổi ngay thái độ. Ông không còn hay nổi trận lôi đình nữa, cũng không còn hay gắt gỏng, cau có, nóng giận, khó tính và lo sợ nữa. Ông xem ra trầm tĩnh hơn, bởi lẽ bây giờ ông có thể lấy Bathseba làm thiếp mà không còn phải sợ mất sĩ diện nữa.

Chính việc này, chính việc che dấu tội của Đavit còn xấu hơn gấp trăm ngàn lần tội mà ông đã phạm với bà Bathseba. Nếu ông đã xưng thú, đã nhận lỗi, điều đó không đến nỗi quá xấu. Tội ác tày đình bắt đầu khi ông cố gắng che dấu tội mình. Vì thế, Thiên Chúa đã sai tiên tri Nathan đến nói cho ông dụ ngôn này:

Trong một thành kia có hai người, một người giàu và một người nghèo. Người giàu thì có vô số chiên lừa, còn người nghèo chỉ có một con làm gia sản. Một ngày kia, người giàu, có khách đến thăm. Ông không muốn giết chiên mình để đãi khách mà đi bắt con chiên của người nghèo giết đi mà đãi khách. Đavit nghe đến đó thì nổi trận lôi đình lên và phán bảo: "Người đó đáng chết!" Lương tâm của Đavit tốt đối với việc quan tâm đến người khác. Ông ta thấy rõ ràng rằng người giàu đã làm một việc bất công và ông không chấp nhận điều đó. Nhưng ông đâu có biết rằng chính ông cũng đã làm như vậy. Đavit đã sống trong sự yên hàn bấp bênh của lương tâm bằng việc dấn thân cho một thế giới bên ngoài.

Trong khi lên án tố cáo người khác, con người không còn năng lực nào còn lại để đối diện và nhận ra lỗi mình. Sự nhiệt thành của Đavit đối với công việc bên ngoài là một sự chạy trốn. Cái tội mà Đavit lên án nơi người giàu là một tội đáng phạt. Tuy nhiên, lòng đam mê công lý của Đavit cho thấy sự bất công quá đáng nơi chính ông ta. Sự sốt sắng cải thiện và sự dấn thân phục vụ để tác động những người khác quả thật có thể đó là một sự che lấp tình vi của một sự sợ sệt và tội lỗi cá nhân.

Các nhà tâm lý học cho chúng ta thấy rằng qua những đam mê hoạt động của chúng ta, chúng ta cố gắng dập tắt cái cảm giác sợ sệt và tội lỗi để làm chúng ta trở nên có giá trị hơn dưới con mắt người khác bằng những công việc hoạt động. Chính những hoạt động đó có thể làm

chúng ta trở thành những con người hết sức hấp dẫn mà rất ít người có thể nhận ra có một sự chạy trốn nào đó ở đằng sau bộ mặt hấp dẫn đó. Và đây chính là trường hợp của Đavit. Nhưng Thiên Chúa có muôn ngàn cách thế để cảnh tỉnh những con người Ngài muốn tuyển chọn. Ngài đã sai tiên tri Nathan đến cảnh cáo Đavit: “Chính ngươi là người nhà giàu mà người đã lên án đó!” Từ bấy giờ, Đavit bắt đầu mở bừng mắt ra và ông đã thú nhận những tội lỗi mình.

Lời Chúa là một cái gì sống động và hữu hiệu. Lời đó được nói với Đavit qua một người khác. Đavit cần một người trung gian để đưa ông đến việc chấp nhận và xưng thú tội mình: “Tôi đã phạm tội chống lại Giavê”.

Bao lâu chúng ta còn che dấu lỗi mình, bấy lâu chúng ta còn cảm thấy mình không được đón nhận. Khi chúng ta thật sự chấp nhận sự đón nhận của Thiên Chúa và tin rằng sự đón nhận của Ngài là vô giới hạn, bấy giờ chúng ta mới có thể xưng thú tội mình. Việc chúng ta dấu tội là một dấu chỉ cho thấy chúng ta không hoàn toàn tin vào tình yêu Thiên Chúa. Nó nói lên một sự thiếu kém lòng tin. Thỉnh thoảng, chúng ta gặp những người không biết chấp nhận lỗi mình, không bao giờ biết nói lên lời xin lỗi, họ là những con người đáng được thương hại vì họ là những con người đau khổ hơn cả bởi sự bất an của tâm hồn họ. Sự an bình không tìm được trong sự che dấu nhưng trong sự tha thứ. Bấy giờ sự tha thứ mặc khải cho họ một chiều sâu mới trong tình yêu Thiên Chúa. Trong giây phút tha thứ, chúng ta cảm nghiệm được tình yêu của Ngài lớn lao hơn những lầm lỗi của chúng ta và sự chấp nhận của Ngài là vô điều kiện. Sự tha thứ tạo nên một mối giây liên hệ mới giữa con người và Thiên Chúa. Chỉ có những con người có sự can đảm dám xưng thú tội mình mới có thể thật sự chấp nhận chính mình và tìm thấy được sự an bình mà thế gian không thể ban cho và lấy đi được.

Lm. Lê Văn Quảng

VỀ MỤC LỤC

Hiểu Biết Căn Bản về Dược Thảo

Câu Chuyện Thầy Lang

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Dược Thảo hiện nay đang được công chúng mọi nơi rộng rãi sử dụng, đặc biệt là tại các quốc gia kỹ nghệ phát triển.

Riêng tại Hoa Kỳ, trong năm 1998, dân chúng đã tiêu hơn 4 tỷ mỹ kim để mua các loại dược thảo. Từ năm 1990 tới 1997, số người dùng dược thảo tăng 380%, số người đi khám bác sĩ giảm, mà số người đi khám bệnh thầy thuốc không chính thống cũng nhiều hơn.

Dược thảo được bày bán khắp nơi, ngay cả trong tiệm chuyên bán âu dược. Những môn thuốc của Mẹ Thiên Nhiên như lá, củ, rễ, vỏ, hoa đã mau chóng trở nên phương tiện trị liệu ưa thích của người dân. Họ mua dùng để chữa từ các bệnh thường thấy như cảm cúm, đau nhức, tiểu đường, tới một số bệnh trầm trọng hơn như ung thư các loại, tê liệt tứ chi, liệt kháng HIV-ADS, viêm siêu gan A,B,C.

Biết bao nhiêu người đang dùng St. John Wort để chữa trầm cảm; ginkgo biloba để trì hoãn sự hóa già, sa sút trí nhớ; melatonin cho rối loạn giấc ngủ do chệch múi giờ; saw palmetto cho ung thư nhiếp hộ tuyến; lá đu đủ cho ung thư gan; sừng tê giác cho ung thư đường ruột; mã hoàng ephedra để giảm nghẹt mũi.

Theo cơ quan Y Tế Quốc Tế, hiện có trên 4 tỉ (67% dân số) người dùng dược thảo trên thế giới. Kỹ nghệ chế biến dược thảo, bốc thuốc, hiện rất phát triển, thịnh vượng, thu vào 12 tỉ mỹ kim trong năm 1998.

Để đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi của dân chúng, chính quyền các quốc gia cũng đã bắt đầu lưu ý, dành ngân khoản, lập cơ quan nghiên cứu về công dụng và sự an toàn của dược thảo.

Định nghĩa

Theo định nghĩa của cơ quan Y Tế Thế Giới, một sản phẩm được coi là dược thảo khi thành phần chủ động gồm một bộ phận của thảo mộc nằm trên không hay dưới đất, trong hình dạng nguyên thủy hay được chế biến. Khi có pha lẫn bất cứ hoá chất hay khoáng chất thì thuốc không còn là dược thảo nữa.

Lịch sử dược thảo

Dược thảo đã giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe con người từ nhiều ngàn năm, nhất là ở các quốc gia đang mở mang..

Ở Việt Nam ta, các vị lương y (cụ Lang, Đông Y sĩ) đã sử dụng dược thảo từ thời lập quốc với hai loại thuốc: thuốc Bắc, cây cỏ nhập từ Trung Hoa; thuốc Nam dùng cây cỏ thổ sản quốc gia, trong những bài thuốc gia truyền, theo kinh nghiệm qua nhiều thế hệ.

Các vị danh y như Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông đã để lại những tác phẩm đông y giá trị. Bộ sách Nam Dược Thần Hiệu của Tuệ Tĩnh viết vào thế kỷ 17 liệt kê trên năm trăm vị thuốc có gốc thảo mộc và động vật và ông chữa bệnh theo phương châm “ thuốc Nam Việt chữa người Nam Việt ”.

Mới đây, ở Hà Nội, Giáo sư Đỗ Tất Lợi tái bản bộ sách “ Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam ” với trên 800 vị thuốc, cây thuốc được phân tích. Dược Sĩ Lợi, trên 90 tuổi, được đào tạo về Tây Y dược, nhưng đã dành trọn đời nghiên cứu, bảo tồn, truyền bá y dược học cổ truyền Việt Nam. Bộ sách “ Cây Thuốc và Động Vật Làm Thuốc ” của nhiều tác giả cũng là tác phẩm có giá trị.

Tại Trung Hoa, dược thảo được ghi nhận từ năm 168 Trước Thiên Chúa, rất phổ thông và đang được hệ thống hóa. Năm 1977, quốc gia này đã xuất bản một dược thư gồm trên 5000 dược thảo.

Dược thảo du nhập Nhật Bản năm 411 sau TC qua ngã Triều Tiên và nền y học thảo dược rất phát triển và đáng tin cậy.

Ai Cập đã tìm ra tài liệu cho thấy dược thảo được dùng từ năm 2000 trước TC. La Mã - Hi Lạp đã dùng dược thảo từ thời Aristole, và sách dược thảo của Dioscorides viết vào thế kỷ thứ nhất sau TC có ghi trên 600 vị thuốc cỏ cây.

Nền y học Ayurvedic Ấn Độ cũng dùng dược thảo từ trên năm ngàn năm để hỗ trợ việc trị bệnh và phòng bệnh do sự mất thăng bằng của tâm trí.

Ở Pháp, nhất là Đức, các bác sĩ y khoa biên toa âu dược chung với dược thảo.

Tại Đức, một ủy ban gồm nhiều bác sĩ, dược sĩ, chuyên gia về chất độc đã hoàn thành một tài liệu với trên 400 chuyên đề tả công dụng, tác dụng phụ, phân lượng của nhiều dược thảo.

Bên Anh, một công trình tương tự cũng đã được hoàn tất.

Bên Mỹ, dược thảo rất thông dụng với thổ dân bản xứ. Năm 1716, nhà thám hiểm Pháp Lafitau đã tìm ra sâm Mỹ ở vùng New World. Hiện nay sâm là tài nguyên xuất cảng quan trọng của Hoa Kỳ. Cơ quan The American Botanical Council, Austin-Texas, dựa vào hai công trình của Đức và Anh, đã soạn thảo một tài liệu nói về 26 dược thảo thông dụng.

Với cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Hoa kỳ (FDA) thì dược thảo được xếp hạng như thực phẩm phụ, được bày bán không cần thử nghiệm, nghiên cứu như âu dược, mặc dù dược thảo có tính cách trị bệnh và cũng có tác dụng phụ. Dược thảo không được quảng cáo là có công dụng trị bệnh mà chỉ được nói chung chung về ích lợi của sản phẩm, thí dụ thuốc làm lợi tiểu tiện, bổ gan, tăng cường miễn nhiễm...

Khi thuốc bị coi là không an toàn thì cơ quan này sẽ không cho bày bán.

Đa số dược thảo hiện có trên thị trường đều được sản xuất theo kinh nghiệm đã dùng hay dựa vào những bài thuốc dược lưu truyền trong giòng họ và được coi như đáng tin cậy. Vì dược

thảo không được cơ quan FDA cấp bằng đặc quyền chế tạo, nên các nhà sản xuất không chịu bỏ vốn cho chi phí nghiên cứu khoa học như âu dược.

Mấy năm gần đây, Viện Sức Khỏe Hoa Kỳ, đã thành lập một trung tâm nghiên cứu về dược thảo cũng như các phương tiện trị liệu không chính thống, và đã dành một ngân khoản là 50 triệu trong tài khóa 1999 cho việc nghiên cứu này. Đó là do áp lực của người tiêu thụ dược thảo mỗi ngày một tăng, vì nhiều lý do như:

a) Âu dược quá đắt, đôi khi không công hiệu, mà lại có nhiều tác dụng độc hại, không muốn;
b) Dân chúng thích dược thảo có nguồn gốc trực tiếp từ cây cỏ hơn là âu dược hóa chất;

c) Bất bình với nhóm tài phiệt bao thầu quản trị y tế giới hạn việc sử dụng tây y để kiếm nhiều lợi nhuận..

Một vài đặc điểm về dược thảo.

Trước khi nghĩ tới việc dùng dược thảo cho bệnh tật, tưởng cũng nên tìm hiểu một vài dữ kiện về loại thuốc này:

1- Sự an toàn của dược thảo.-

Ý kiến chung coi dược thảo an toàn hơn âu dược, ít gây chứng bệnh phụ và rất ít khi gây tai nạn tử vong.

Tuy nhiên dược thảo vẫn là một loại thuốc, khi dùng ta cần cẩn thận, không nên nghĩ vì nó là cây thiên nhiên thì không có hại.

Cam thảo (licorice) là một trong những thuốc cây cỏ dùng nhiều nhất trên khắp thế giới để chữa bệnh lở bao tử, ho, suyễn, nhưng nếu dùng lâu ngày, có thể gây cao huyết áp, nhức đầu, mệt mỏi. Khi mới dùng lần đầu, nên dùng với phân lượng nhỏ rồi tăng dần cho tới liều chỉ dẫn bởi nhà sản xuất.

Một thí dụ khác là cà phê, một loại họ thảo ta dùng mỗi buổi sáng để nâng cao tinh thần. Nếu uống hai ly mỗi sáng thì có tác dụng tốt như ý muốn, năm ly là có nhức đầu, nóng nẩy, 15 ly thì bắt đầu thấy ù tai, chóng mặt.

Dược thảo bán trên thị trường không được thử nghiệm về sự tinh khiết và hiệu nghiệm, nên đôi khi có lẫn chất không cần như phấn hoa, phấn lá...và có thể gây dị ứng.

2- Công hiệu của dược thảo.

Các nhà sản xuất cũng như hơn 4 tỉ người đang dùng dược thảo đều cho là thuốc công hiệu trong việc trị bệnh và ngừa bệnh. Đã có nhiều nghiên cứu khoa học hỗ trợ ý kiến này.

Có điều là tác dụng của dược thảo thường từ từ, nhẹ nhàng, cần thời gian lâu để có hiệu quả, do đó tốt trong việc phòng bệnh.

Dược thảo, với nhiều chất thuốc khác nhau, có tác dụng vào nhiều bộ phận cơ thể hơn là âu dược, với một dược chất, tác dụng vào một bệnh chỉ định.

Dược thảo thường không đủ mạnh để trị cấp cứu, nhất là các bệnh do vi khuẩn gây ra, nên thuốc kháng sinh vẫn là thuốc căn bản.

3- Dược thảo không gây ghiền.

Thường thường cỏ cây gây ghiền như cây thuốc phiện, cần sa... không được phép bán công khai tại tiệm thuốc âu dược hay tiệm thuốc thiên nhiên. Dược thảo không có kích thích tố hay chất chống viêm steroid, nhưng một vài dược thảo có tác dụng hỗ trợ sự tiết các chất này trong cơ thể.

4- Nguồn gốc dược thảo.

Theo các nhà sản xuất, thì dược thảo đều do cây cỏ dược trồng trong môi trường có kiểm

soát, đôi khi không dùng hoá chất diệt sâu bọ, cỏ dại hoặc phân bón nên phẩm chất tốt, thiên nhiên. Nhiều khi cây cỏ mọc hoang cũng được dùng để chế thành thuốc.

5- Chọn lựa dược thảo

Như đã nói ở trên, nhà sản xuất không cần chứng minh sự an toàn và công hiệu của dược thảo khi tung ra thị trường, mà chỉ khi nào có chuyện xảy ra thì thuốc đó mới bị bỏ đi. Tiêu chuẩn bào chế của mỗi nhà sản xuất đều khác nhau, nên tỷ lệ dược liệu đều thay đổi. Tỷ lệ này cũng thay đổi tùy theo cây cỏ được trồng ở địa dư nào, được hái vào mùa nào, được tồn trữ ra sao và phần nào (rễ, thân hay lá) của cây được sử dụng để bào chế thuốc.

Những điều này gây khó khăn không ít cho giới tiêu thụ khi mua thuốc. Vì thế các nhà sản xuất đã tổ hợp với nhau để thống nhất sản xuất. Hiện có hai tổ hợp lớn: American Herbal Products Association và National Nutritional Foods Association.

Khi mua, nên lựa sản phẩm do sự liên kết với các công ty tín nhiệm có cơ sở nghiên cứu đầy đủ về phân lượng, tinh khiết và công hiệu. Cũng nên lựa sản phẩm có nhãn hiệu với chỉ dẫn cách dùng, tác dụng phụ, loại cây cỏ, ngày hết hạn.

Những điều cần lưu ý khi dùng dược thảo

Tại Hoa Kỳ, Tây y được xây dựng trên căn bản sinh hóa học hiện đại. Cơ quan Thực Phẩm và Dược Phẩm, với nhiệm vụ điều hợp thực dược phẩm, bảo vệ sức khoẻ con người, thường nhìn dược thảo với con mắt dè dặt, nghiêm khắc. Họ cho là dược thảo không có công dụng trị liệu và nguy hiểm.

Một luật gia than phiền là hiện giờ có hai chế độ dược phẩm: một chế độ muốn được bày bán phải chứng minh có công hiệu trị liệu và tuân theo luật lệ; chế độ kia được bán tự do, không cần kê khai giá trị.

Bác sĩ Marcia Angel, Chủ bút tập san Y học uy tín New England Journal of Medecine khẩn khoản kêu nài dân chúng đừng tự chữa bệnh, tự dùng dược thảo vì thuốc có nhiều thành phần không khai báo được pha thêm vào như chì, thạch tín, rất nguy hiểm.

Còn giáo sư dược khoa nổi danh Varro Tyler cho là sự nghiên cứu về dược thảo của các quốc gia Âu Châu rất đáng tin cậy, tuy nhiên, độc tính dài hạn của thuốc cần được theo dõi, tác dụng phụ có hại thường được che dấu, giảm thiểu.

Dù vậy, dược thảo vẫn được người dân tiêu thụ, vì niềm tin có bệnh thì vái tứ phương, vì có ngay khi cần, không phải mất công lầy hện, ngồi chờ bác sĩ, cũng như khi gặp trọng bệnh mà Tây Y bó tay. Tuy nhiên cũng nên lưu ý mấy điều để tránh chuyện chẳng lành:

1- Thông báo cho bác sĩ nếu đang dùng dược thảo để tránh tác dụng không tốt giữa âu dược và thuốc cỏ cây. Không dùng ginkgo biloba (bạch quả) với thuốc trị đau như Aspirin, thuốc ngừa tai biến não Ticlid, Persantine; âu dược trị trầm cảm với St John Wort...

2- Không dùng dược thảo khi mang thai, nuôi con bằng sữa mẹ, không cho con nhỏ dùng dược thảo vì ở trẻ em và thai nhi, gan chưa đủ sức vô hiệu hoá độc chất của dược thảo. Xin đan cử một thí dụ: khi uống một ly cà phê, người lớn chỉ cần 5 giờ để loại khỏi cơ thể mà con nít cần đến cả 80 giờ.

3- Tuy dược thảo có nguồn gốc thiên nhiên nhưng không thiên nhiên với cơ thể con người. Cho nên thuốc có thể gây bất lợi khi dùng, nhất là vì thiếu kiểm soát nên thành phần không thống nhất, phẩm chất không tinh khiết, đôi khi pha lẫn chất có hại cho cơ thể.

4- Không nên dùng dược thảo quá dăm tuần lễ vì an toàn dùng dài hạn chưa được chứng minh, cũng như không dùng quá nhiều vì nguy cơ gây độc cho gan và thận. Cũng không nên dùng nhiều dược thảo khác nhau một lúc vì tác dụng tương phản của thuốc.

5- Dược thảo cũng có tác dụng phụ như bạch quả gây xuất huyết; mã hoàng (ephedra) gây

tăng huyết áp, nhức đầu, rối loạn nhịp tim; St John wort làm chóng mặt, mệt mỏi khô miệng, mất định hướng... Mã Hoàng hiện nay đã bị cấm bày bán tại Hoa Kỳ.

Và cuối cùng là không nên quá tin tưởng ở lời quảng cáo, giới thiệu của nhà sản xuất vì những lời này không được cơ quan trách nhiệm xác định giá trị, đồng thời cũng nên tìm hiểu về đặc tính trị liệu của loại dược thảo đang dùng.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

VỀ MỤC LỤC

NHỮNG TẠI HẠI CỦA BỆNH TƯƠNG

Tại bệnh viện tâm thần nọ, có một bệnh nhân cứ tưởng mình là hạt thóc, vì thế khi thấy con gà, anh sợ run cả người, ôm đầu chạy trốn vì sợ gà mổ. Sau mấy tháng chữa trị, bệnh anh đã thuyên giảm.

Một hôm bác sĩ dẫn anh đi một vòng quanh khu vực nhà bếp của bệnh viện xem anh khỏi hẳn chưa. Thành linh anh trông thấy một con gà mái, khiếp sợ quá, vội vàng, sợ sệt trốn sau lưng bác sĩ.

Bác sĩ dịu dàng bảo: “Đừng sợ! Đây sao anh lại sợ con gà? Bây giờ anh đã hết bệnh rồi. Anh có biết rằng mình là con người chứ không phải làm hạt thóc không.?”

Bệnh nhân đáp một cách mạnh dạn: “Tôi biết chứ, tôi là con người mà tôi không phải hạt thóc! Nhưng con gà nó đâu có biết như vậy, nó cứ tưởng tôi là hạt thóc mới chết chứ.”

*** Một Phút Suy Tư:** Tâm thần được phân định dưới nhiều dạng khác nhau, tùy mức độ nặng nhẹ! Nặng thì có thể giết người, nhẹ thì cười cười nói nói, hoặc trầm uất hoặc hoang tưởng. Ta cùng suy nghĩ đến những chứng bệnh “**tương**” tâm linh trong Hội Thánh.

Có kẻ tưởng mình khôn ngoan nên kiêu căng và ngạo mạn, người khác tưởng mình dốt nát nên mặc cảm tự ty, có kẻ tưởng mình tài giỏi nên không chịu nghe ai góp ý. Bất chấp Cộng đồng, đường ta ta cứ đi, việc ta ta cứ làm. Có người tưởng mình vô dụng nên chẳng dám làm công việc nào, đi nhà thờ giữ luật rồi làm lì ra về...

Dù là bệnh tương ở khía cạnh nào đều là không tốt cả. Hội Thánh sẽ gặp nhiều rắc rối nếu có quá nhiều người mắc bệnh “**tương**”. Chúa Giêsu đến thế gian để bạn nhận ra giá trị thật của mình. Nên có những nhận định đúng về chính mình, dưới ánh sáng Lời Chúa. Bạn cần lắng nghe và tương giao với Chúa từng giây phút.

Vì thế thánh Phaolô khuyên: “Bởi vậy, ai tưởng mình đang đứng vững, thì hãy coi chừng kẻo ngã.” (1Corintô 10, 12)

Đức Maria ca ngợi Chúa: “Chúa dơ tay biểu dương sức mạnh, dẹp tan phường lòng trí kiêu căng.” (Luca 2, 51)

Phó tế: GB Huyền Đồng-Nguyễn Văn Định

VỀ MỤC LỤC

CHẾT

(Viết để cầu nguyện cho Camie Hồng Dương vừa được Chúa gọi về ngày 17/4/2006)

Từ thưở tạo thiên lập địa cho đến ngày nay, chưa từng có ai thoát được cái chết. Quả thật, già trẻ lớn bé, vua quan quyền cao chức trọng cho đến dân cùng đinh nghèo hèn đều phải qua

chung một ngưỡng cửa của sự chết và rời khỏi thế gian. Hình như ai cũng biết điều này và vì vậy người ta dậm ra ... sợ chết!!! Người ta sợ và tránh, không dám nói đến chữ “chết”, làm như không nhắc đến chữ “chết” thì mình khỏi phải chết.

Tại sao người ta lại kinh hãi sự chết đến như vậy??

Phải chăng, chúng ta sợ chết vì chúng ta không còn được nhìn thấy, được chuyện trò với những người đã chết. Chúng ta không biết họ có còn hiện hữu ở một hình thức nào khác nữa không và họ đi về đâu, sống khổ ra sao; hay chết là hết, hết thật sự, không còn hiện hữu dù ở bất cứ cõi giới nào.

Những người vô thần tin chết là hết, không có đời sau. Có lẽ họ nghĩ rằng thân xác con người với bộ não và năm giác quan: nghe, thấy, nếm, ngửi, sờ đã tạo nên phần tinh thần của con người - hay nói theo kiểu những người tin vào Chúa hay Phật thì gọi đó là linh hồn. Vì vậy khi thân xác con người chết đi, thì tinh thần hay linh hồn cũng không còn nữa. Như nhà đèn hay lò biến điện bị phá hủy thì chúng ta không có điện. Nói một cách khác, những người vô thần tin rằng thân xác tạo ra tâm linh. Có người lại nói, linh hồn không có vì không ai sờ thấy hay cảm nghiệm được linh hồn. Nhưng liệu có ai thấy được điện đâu nhưng nó vẫn hiện hữu. Người ta biết được có điện vì thấy bóng đèn bật sáng, các vật dụng bằng điện hoạt động khi bật nút mà thôi. Nếu nghĩ như những người vô thần thì chết là điều đáng sợ và phải sợ, vì chết đồng nghĩa với sự hủy diệt, mất đi vĩnh viễn.

Còn chúng ta, những kẻ tin vào Thiên Chúa mà cũng sợ chết sao?? Á à, có người có thể nói rằng sợ chết vì sợ phải trả lễ, rằng thì con người ai mà chẳng yếu đuối và phạm tội nên sợ phải ra trước sự phán xử công minh của Thiên Chúa. Điều này hợp lý, nhưng chẳng phải chúng ta - các môn đồ của Chúa Giêsu - vẫn thường nghe nói hay chúc tụng tình yêu và lòng thương xót của Thiên Chúa sao?? Phải chăng chúng ta chỉ nghe, chỉ nói như chim két mà không thật sự tin vào tình yêu và lòng thương xót của Ngài???

Điều quan trọng chúng ta ai cũng biết là một ngày nào đó, có thể là lát nữa đây, có thể là ngày mai, tháng tới, năm tới hay một ngày tháng nào đó, cái chết sẽ đến với người thân yêu của mình và rồi đến phiên “tôi”, chính “tôi” chết! Liệu chúng ta đã chuẩn bị cho người thân yêu của mình hay chính mình để khi ngày chết của ta đến thì chúng ta đã sẵn sàng, hân hoan về cùng Chúa.

Trong cuộc sống, chúng ta chuẩn bị nhiều thứ cho mình và người thân. Chẳng hạn cho con ăn học là bậc làm cha mẹ chuẩn bị để khi lớn lên ra đời, con mình được nhẹ nhàng tấm thân, ăn nên làm ra. Càng thương con, cha mẹ càng tìm đủ mọi phương tiện cho con học hành. Lớn lên một chút, trái tim lúc lắc, sét ái tình đánh cho tơi tả, người ta dắt nhau đi học giáo lý hôn nhân, chuẩn bị cho cuộc sống lứa đôi cho đời sống gia đình, v .. v .. và v..v...

Vậy mà đối với cái chết - một điều mà chưa ai thoát khỏi thì người ta lại lẩn tránh, không dám nhắc tới, làm như không nhắc thì nó sẽ không bao giờ tới vậy đó. Chúng ta không dám đối diện với sự thật rằng thì rồi một ngày chính “tôi” sẽ phải chết. Người ta không muốn hay không dám chuẩn bị cho người thân và chính mình hành trang để bước qua ngưỡng cửa của sự chết.

Nói quơ đũa cả nắm như vậy thể nào cũng bị mắng cho là con nhà có đạo mà dốt nát. Thật ra thì là người Công giáo có đạo hạnh nên hề thấy cái chết lúp ló trước cửa thì ta có lật đật cho mời Cha đến để được ơn giải tội, được lãnh bí tích xức dầu. Còn thì ngày ngày (?) đọc kinh xin ơn chết lành để khỏi phải chết tươi ăn năn tội chẳng kịp cũng đủ rồi!!

Nhưng, lỡ như Chúa muốn ta chết bất đắc kỳ tử thì sao nà?? Ôi lạy Chúa, con van xin Ngài đừng dắt con đi theo kiểu đó vì các bà bạn trong nhóm đọc kinh của con sẽ “sung sướng” mà đi rêu rao rằng thì con mang nhiều tội trọng ác nghiệt nên mới vô phúc phải chết tươi như thế đó. Nghĩ tới chết tươi chẳng kịp mời Cha xức dầu thì hoảng kinh hồn vía làm dấu thánh giá lia lịa và năn nỉ ỉ ôi với Chúa.

Chừng thấy ông X bị bệnh nằm liệt giường hàng mấy năm trời, chẳng tự mình tiêu tiểu vệ sinh gì được phải nhờ người thân chăm sóc. Lại than thở rằng thì: thôi phần tôi, tôi xin Chúa cho tôi bệnh chi thì chết ngay để không bị hành hạ thân xác. Ủ, hay là ta xin Chúa cho đủ giờ để lãnh nhận bí tích xức dầu thôi, nhưng đừng để con vật vờ dờ sống dờ chết nha Chúa.

Tội nghiệp Chúa, chắc Ngài phải phân vân xem nhậm lời cầu nào đây cho vừa ý con cái!!! Nghĩ cho cùng, nếu ta cụ bị sẵn sàng thì khi nào hay cách nào Chúa gọi thì ta cũng đã sẵn sàng. Và như ta đã nhận ra thế gian là cõi tạm và cái ngày Chúa gọi ta có thể rất thành linh và khó ai biết trước được, cái ngày ta sẽ rời khỏi nơi tạm bợ này để trở về trả lễ trước mặt Thiên Chúa; thì chắc chắn ta phải sống khác hơn, phải chuẩn bị chu đáo hơn.

Vậy mà ta nhìn chung quanh thử xem, chúng ta - những kẻ được lãnh nhận nhiều bí tích và nhờƠn Chúa mà có đức tin - có sống khác hơn kẻ vô thần hay người không có đức tin chẳng?? Hàng ngày, chúng ta có sống theo điều răn của Chúa Giêsu là Mến Chúa Yêu Người không? Chúng ta có làm mọi việc với tất cả tâm tình yêu mến không?

Nhiều lần tôi xét mình rồi tự an ủi: ừ thì ai sao tôi vậy, tại người ta làm bậy nên tôi làm ... theo!! Không phải lỗi tôi!! Tôi nói tôi xét mình nhưng nghĩ quanh quẩn một hồi thì hình như là tôi xét người và biện hộ cho mình thì đúng hơn. Tôi dễ dãi với chính tôi nhưng tôi lại khe khắc với anh chị em quanh mình!! Nếu mỗi ngày tôi suy nghĩ như vậy thì đến giờ tôi hấp hối, cái giờ Chúa gọi tôi bất ngờ, liệu rằng tôi có nghĩ khác hơn không?? Chắc là không!! Thành nếp rồi, cứ theo nếp củ mà suy ra thôi!!

Thật là đáng sợ!! đáng kinh sợ hơn cả sự chết vì tôi đang đánh cuộc rủi may cho việc mệnh hệ đời đời của mình. Trong những dịp quan trọng ở nơi trần thế tạm bợ như khi tôi đi thi tôi chuẩn bị bài vở cẩn thận, khi tôi nộp đơn đi làm và tha thiết mong mình được nhận làm việc tôi cũng chuẩn bị có khi tập dượt trước cẩn thận, ngày đầu tiên tôi hẹn hò với người tôi yêu, ngày cưới v.v.. tôi dành nhiều giờ để chuẩn bị quần áo, tóc tai v.v.. và v .. v..... Còn ngày giờ tôi đi trình diện với Đấng có thể ban cho tôi sự sống đời đời thì tôi lại phó mặc cho may rủi!! Bạn ơi, tôi nói với bạn mà cũng là nói với chính tôi rằng trước tiên mình phải tận nhân lực thì sau đó mới tri thiên mệnh, chưa làm hết sức của mình thì đổ thừa cho người hay trách Chúa sao được!!

Như vậy thì chuẩn bị cách nào đây cho ngày trọng đại đó, cho giờ chết của chính mình???

Ta thử bắt đầu một ngày sống của mình với tâm tình suy nghĩ đây là ngày cuối Chúa để ta nơi trần gian này, vậy thì ta làm gì ngày hôm nay?? Xin hãy tạm ngừng một chút, khoan đọc tiếp nhưng hãy thành thật trả lời cho chính mình: Ngày hôm nay ta sẽ làm gì nếu biết Chúa cất ta đi đêm nay??

Bạn thử viết ra vài điều mà bạn sẽ làm nếu tối nay Chúa dắt bạn đi và giả dụ ngày giờ chết Chúa đã báo cho bạn biết là điều tối mật, tuyệt đối bạn không thể chia sẻ cho bất kỳ ai dù là vợ chồng hay cha mẹ, con cháu, anh chị em hay bạn hữu.

Ngày hôm nay và lúc này đây, bạn còn có thì giờ để suy nghĩ xem hành trang gì mình mang theo được trong cuộc vượt biên bí hiểm với Chúa và không bao giờ trở lại đây nữa. Chuyển ra đi này bạn không mang theo được vàng bạc, tiền của nhưng bạn có thể “gửi chính thức”, “chuyển tiền” qua những người sống quanh mình, những người Chúa gửi đến cho mình bằng cách sống quảng đại hơn, cho đi, chia sẻ những thứ mình có. Bạn nhớ không, Chúa nói dù là việc nhỏ bé nhất và bạn làm cho người bé mọn nhất thì Chúa cũng ghi công, cũng chuyển thành tiền mua vé, mua chỗ cho ta trong nước Thiên Chúa. Như vậy chính tình yêu mến, cách ta cư xử với những người quanh ta sẽ quyết định chỗ của ta trong nhà của Thiên Chúa, ta càng yêu mến đối xử tốt với những người quanh ta thì đó chính là vàng, là đô la, là vé để ta vượt biên cửa Chết và vào nước Trời.

Khi suy nghĩ, ghi ra những điều mình muốn làm trước khi rời khỏi trần thế, ta sẽ nhận ra các điều quan trọng hay ưu tiên chúng ta cần phải làm. Phải thường xuyên kiểm soát lại hành trang vì ta không biết chắc ngày giờ Chúa đến đón ta. Có những điều bạn khác ngoài, mơ ước được làm thì hãy bắt tay làm ngay đi, đừng chần chừ nữa và hãy làm với tất cả lòng yêu mến. Chúng ta phải bắt đầu từ giới răn thương yêu của Chúa thôi, bạn ơi. Khi ta chú tâm làm mọi việc với tất cả tâm tình yêu thương, ta cũng sẽ nhận ra được tình Chúa tình người nhiều lắm ở quanh ta. Nếu bạn nghĩ rằng môi trường bạn sống toàn là thủ đoạn, toan tính, thù hận, lường gạt ... bạn hãy làm người chiến sĩ tiên phong của Chúa, bạn thử kiên trì đốt lên ngọn lửa yêu thương và cầu nguyện, bạn sẽ cảm nghiệm được tình yêu và sự hiện hữu của Chúa.

Nếu ngày nay là ngày cuối ở trần thế thì ta có đi lễ không? Có viếng Chúa không? Chắc là

phải có để xin Thiên Chúa, Mẹ Maria và các Thánh phù trợ cho ta trong bước đăng trình về với các Ngài. Rồi ta làm gì nữa đây?? Có lẽ ta đi thăm Cha Mẹ già, thăm con cháu, ta thăm anh chị em, những người bạn thân; ta đi giải hòa với những người thân – vì ai mà để bụng giận người đừng kể lạ bao giờ!!! Ta sẽ nói với vợ/chồng và con cháu, với bạn bè những lời yêu thương, ta sẽ cố làm cho xong công việc đang dở dang Bạn ơi nếu ta sống một ngày với đầy ắp những yêu thương như vậy và yêu mến Thánh Ý Chúa, chấp nhận vâng theo ý Ngài không than van, không trả giá thì ... thiên đường là ngay đây rồi. Ngài dắt ta đi hay để ta ở đều là ân phúc từ Trời ban.

Có người sẽ nói mỗi ngày bao nhiêu là công việc, giờ đâu mà thăm nom, giờ đâu mà hòa giải với mấy bản mặt ó đăm, chuyên làm mất lòng ta hay tệ hơn còn làm ta điều đúng?? Nay bạn, khi tôi nói tôi không có giờ để đi thăm Mẹ già - hay nói một cách khác tôi đã không xếp công việc thăm nom Mẹ là một việc ưu tiên trong chương trình của tôi, vì ngày nào Chúa cũng cho tôi 24 giờ như nhau, còn sử dụng thì giờ đó ra sao thì Chúa ban cho tôi tự do để lựa chọn. Khi người ta thật lòng muốn, muốn một cách mãnh liệt, ta sẽ tìm ra được thì giờ và phương cách để thực hiện ý muốn của mình.

Ý thức và chuẩn bị cho cái chết của chính mình không phải là một việc tiêu cực đâu bạn. Tiêu cực là khi ta không có đức tin và không tin vào tình yêu của Thiên Chúa kia. Hãy gẫm lại xem, Chúa hạ mình xuống làm người và chết cho ta, phải rồi Chúa Giêsu chết cho chính mỗi người chúng ta. Bạn ơi có tình yêu nào mạnh mẽ hơn, cao cả hơn tình yêu của bậc cha mẹ chết cho con cái, chết để cứu mạng cho con mình; có tình yêu nào lớn hơn việc hy sinh mạng sống mình cho bạn hữu. Bạn ơi, đó là tình yêu của Thiên Chúa, của chính Chúa Giêsu cho bạn, cho tôi!! Khi ta cảm nghiệm được tình yêu mãnh liệt này của Thiên Chúa, ta sẽ không còn sợ chết nữa. Nhưng làm sao để ta cảm nghiệm được đây??

Phải cầu nguyện đối thoại với Chúa thôi!! Bạn ơi, khi ta cầu nguyện và tìm nghe tiếng Chúa, ta sẽ cảm được sự hiện diện của Chúa và sẽ thấy được câu trả lời của Ngài cho những điều ta thắc mắc, băn khoăn. Cầu nguyện nhiều với Chúa ta sẽ thấy gần gũi, thân mật với Chúa hơn, ta sẽ cảm nghiệm được tình yêu và nhận ra được ân sủng của Ngài trong cuộc sống của mình. Có bao giờ bạn để ý là khi ta liên lạc, lui tới thăm nom với người nào nhiều thì thân tình thêm thắm thiết không?? Có khi là thân nhân ruột thịt mà ta không cảm thấy gần gũi thân thiết bằng người bạn hàng xóm chỉ vì ta ít khi liên lạc, thăm nom nhau. Khi có việc ta thường chạy đến nhờ vả những người mà ta thân thiết vì dễ thông cảm, dễ nói hơn.

Cũng vậy khi ta cầu nguyện là ta nói chuyện, kể lể với Chúa; càng nói chuyện nhiều với Chúa ta sẽ thấy gần hơn, thân hơn và cũng thành thói quen nữa. Ta có thể tập thói quen tốt này ngay bây giờ, thay vì để tư tưởng của ta lang thang, nghĩ vẩn vơ bất định hướng ta có thể bắt đầu tập nói chuyện với Chúa thí dụ khi ta bị kẹt xe giữa giờ cao điểm thay vì buông một câu chửi thề, ta có thể nói: Chúa ơi, kẹt xe quá mà Chúa biết con đang vội vàng, con sắp trễ làm rồi và con rất sợ khuôn mặt hắc ám của ông xếp khi con đi trễ ... Nghĩa là nói, kể với Chúa mọi điều, mọi việc, thay vì: tí nữa “mình” sẽ làm điều này thì ta tập nghĩ/nói: Chúa ơi, lát nữa con tính, con làmv.v... Bạn làm thử xem, lúc đầu hơi ngưng ngạt nhưng chừng một buổi hay vài ngày bạn sẽ quen dần.

Điều này có lợi lắm vì khi ta cảm thấy gần gũi thân thiết chuyện trò với Chúa ta cũng đang củng cố đức tin của mình. Tin cậy và kính yêu Chúa ta sẽ cảm thấy bình an, phó thác và không còn sợ hãi điều gì ngay cả sự chết. Chết không còn là lưỡi hái ghê rợn của tử thần mà là một cái gì êm đềm thoáng chút xao xuyến vì ta biết khi đến giờ Chúa dắt ta về, ta sẽ được diện kiến đáng quyền uy bao trùm vũ trụ, hơn thế nữa đó là người Cha, người anh, người bạn nhân từ mà ta hay nói chuyện ngày đêm. Chắc chắn Chúa Giêsu phải đón ta trịnh trọng lắm không phải vì công lao của ta mà vì Ngài yêu ta và ta biết chắc điều đó vì ta cảm nghiệm được tình yêu vô biên của Ngài.

Bạn ơi, chúng ta thường sợ chết vì chúng ta cậy sức mình, sức con người hữu hạn kém cỏi. Chúng ta chạy đông chạy tây tìm mọi cách nào là thiên, là liên lạc tâm linh, là gọi hồn người chết bên kia của tử ... phải chăng là để ta trấn an sự sợ hãi của chính mình về cái chết. Chúng ta quên đi cách hay nhất vẫn là tìm đến suối nguồn tình yêu của Thiên Chúa, nương tựa nơi Ngài, cậy trông nơi Ngài. Thiết lập được mối dây liên hệ mật thiết với Thiên Chúa thì dù sống hay chết ta vững tin vào Ngài và can đảm bước tới.

Như vậy nếu hôm nay là ngày giờ chết của bạn, của tôi; ngày Chúa đất bạn và tôi về - bạn ơi, chúng ta có quà gì mang về cho Chúa chưa? Hãy chuẩn bị cho Chúa một món quà đặc biệt nhất, món quà mà Ngài đã hạ mình làm “người” để tìm kiếm và căn dặn các môn đệ đi tìm mang về cho Ngài. Đó là tình yêu của chúng ta. Ngài yêu ta và khao khát được ta yêu Ngài.

Nếu ta tin vào tình yêu mãnh liệt này của Thiên Chúa thì ngay giờ này nếu ta phải đi về với Ngài, ta cũng có món quà mà Ngài trông đợi - nếu như ta muốn trao cho Ngài.

Đó là tình yêu của chính ta - chắc chắn là ta có thể cho Ngài tình yêu, ta có thể yêu mến Chúa với trọn cả xác hồn và rước Chúa làm trung tâm điểm cho cuộc sống của ta.

Với món quà tình yêu, ta có thể xin Chúa bất cứ điều gì. Vậy nếu tôi chân thành yêu mến Chúa, yêu mến người bạn Camie Dương của mình và liên lý cây trồng, thăm thì cầu xin Chúa cho linh hồn Camie Hồng Dương được an vui bên Chúa, bạn nghĩ Chúa Tình Yêu nở từ chối sao???
Bạn ơi, Tình Yêu mạnh hơn sự chết!!!

Vân Diễm

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quý vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Được chọn giữa loài người và cho loài người;
